

MỤC LỤC

1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất.....	3
2. Mục đích, yêu cầu của dự án.....	3
3. Căn cứ pháp lý và cơ sở xây dựng dự án	4
PHẦN I.....	7
KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	7
1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên	7
1.1. Điều kiện tự nhiên	7
1.2. Các nguồn tài nguyên.....	7
2. Khái quát về điều kiện kinh tế, xã hội.....	9
2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	9
2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế, lĩnh vực.....	10
2.3. Công tác quản lý và sử dụng đất đai và môi trường	13
2.4. Công tác xây dựng cơ bản.....	14
2.5. Thu, chi ngân sách.....	15
2.6. Chính sách xã hội, lao động và giải quyết việc làm.....	15
3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường.....	16
3.1 Thuận lợi	16
PHẦN II	18
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	18
HUYỆN ĐẮK SONG	18
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.	18
2.1.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 và biến động đất đai năm 2023 so với năm 2022.	18
2.1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023.	32
2.1.2.1. Kết quả thực hiện theo danh mục công trình dự án:	32
2.1.2.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023	33
2.1.2.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023	34
2.1.2.4. Đánh giá kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023	36
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023. ..	36
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.	37
PHẦN III.....	39
LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	39
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất	39
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch 2024....	39
3.3.1. Đất nông nghiệp	41
3.3.2. Đất phi nông nghiệp:.....	43
3.3.3. Đất chưa sử dụng.....	48
3.4. Tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Song phân theo đơn vị hành chính	48
3.5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	48
3.6. Diện tích đất cần thu hồi	50
3.7. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	51

3.8. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	51
3.9. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất	55
PHẦN IV	57
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	57
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	57
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất;.....	58
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất...	58
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	59
1. Kết luận	59
2. Kiến nghị	59

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất

Đất đai là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng...

Sử dụng đất đai một cách khoa học, hợp lý là nhiệm vụ mang tính cấp bách và lâu dài, đây là vấn đề quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện. Trong những năm qua công tác quản lý đất đai được UBND huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện theo quy định của Pháp luật. Sử dụng đất có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân đầu tư, sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch. Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện theo định kỳ và theo quy định của pháp luật, hàng năm có đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội của huyện.

Luật Đất đai năm 2013 (Điều 22) quy định “quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” là một trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện ở cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện (có tích hợp đến từng xã); việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch quy định việc lập thẩm định, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từ Điều 35 đến Điều 51. Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai hướng dẫn lập Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từ Điều 7 đến Điều 10; Thông tư 01/2021/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cụ thể lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

Để có căn cứ giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư,... trong năm 2024 theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai,... việc Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đăk Song là rất cần thiết về thi hành Luật Đất đai.

2. Mục đích, yêu cầu của dự án

2.1. Mục đích

- Thực hiện có hiệu quả Quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch có liên quan trên địa bàn huyện Đăk Song.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Làm cơ sở pháp lý quan trọng để giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...

- Góp phần quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, xây dựng các hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, ổn định và phát triển các khu dân cư đô thị, nông thôn, các khu dịch vụ, du lịch, các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp, tăng nguồn thu ngân sách từ đất đai.

- Chủ động, ổn định điều kiện sống, sản xuất cho các đối tượng bị thu hồi đất.

2.2 Yêu cầu của dự án

- Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã gồm:

+ Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện;

+ Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp huyện.

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch, bao gồm:

+ Các dự án quy định tại Điều 61 và Khoản 1, 2, Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch;

+ Các dự án quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại;

- Lập bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện.

- Giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

3. Căn cứ pháp lý và cơ sở xây dựng dự án

3.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH 2013;

- Luật Lâm nghiệp 2017;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH 2014;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 5 năm 2018;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12, ngày 17/6/2009, được hợp nhất tại Văn bản số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, được hợp nhất tại Văn bản số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;
- Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, được hợp nhất tại Văn bản số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, được hợp nhất tại Văn bản số 11/VBHN-BXD, ngày 12/9/2023 của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
- Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20/08/2021 của HĐND tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn (nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021- 2025;

- Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 25/12/2023 về thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2024;

- Chương trình số 46-CTr/TU ngày 22/9/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận số 177-KL/TU, ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 17/11/2011 của Tỉnh ủy về phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Kế hoạch số 857/KH-UBND của UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 17/11/2011 của Tỉnh ủy về phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 14/8/2013 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt quy hoạch chung đô thị Gia Nghĩa đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. (Liên quan khu vực xã Trường Xuân huyện Đắk Song).

- Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung Thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đến năm 2030;

- Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đắk Song;

- Quyết định số 949/QĐ-UBND, ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;

- Báo cáo, văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2024 của các Sở, ngành, các phòng ban chuyên môn của huyện và UBND các xã, thị trấn, các đơn vị sử dụng đất trên địa bàn huyện;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

3.2. Căn cứ tài liệu

- Kết quả thống kê đất đai năm 2022 của huyện Đắk Song;

- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2022; nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2023;

- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 9 tháng đầu năm 2023; nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 3 tháng cuối năm 2023

- Các số liệu kiểm kê, thống kê về kinh tế, xã hội, đất đai, dân số lao động trên địa bàn...,

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Đắk Song nằm phía Tây Bắc của vùng trung tâm tỉnh Đắk Nông, là huyện biên giới, cách trung tâm thành phố Gia Nghĩa 30 km theo QL14; có diện tích đất tự nhiên 80.646,24 ha, với 21 km biên giới Việt Nam với Vương quốc CamPuChia về phía Tây Bắc thuộc địa bàn xã Thuận Hạnh, Thuận Hà (3,5 km đường biên giới theo đất liền và 17,5 km theo suối Đắk Đam) với 9 đơn vị hành chính, trung tâm huyện được bố trí ở cạnh QL14 trên địa bàn Thị trấn Đức An.

Ranh giới hành chính của huyện như sau:

- Phía Đông giáp huyện Đắk Glong và huyện Krông Nô;
- Phía Tây giáp huyện Tuy Đức và Vương Quốc CamPuChia;
- Phía Nam giáp thành phố Gia Nghĩa;
- Phía Bắc giáp huyện Đắk Mil.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình huyện Đắk Song là địa hình cao nguyên núi lửa có mức độ chia cắt mạnh, tạo thành những dãy đồi dạng bát úp độ dốc trung bình 10^0 - 20^0 có nơi trên 20^0 , có độ cao trung bình 700m - 800m so với mặt nước biển.

1.1.3. Khí hậu, thời tiết

Huyện Đắk Song nằm trong vùng ảnh hưởng của gió Tây nam và mang tính chất của khí hậu Cao nguyên nhiệt đới ẩm, vùng khí hậu có độ dài mùa sinh trưởng từ 220 - 240 ngày, mỗi năm có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô, mùa mưa kéo dài từ tháng 6 đến tháng 10, tập trung trên 90% lượng mưa hàng năm và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau, lượng mưa không đáng kể.

1.1.4. Thủy văn

Sông ngòi Đắk Song có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất, giao thông thủy và cung cấp nguồn thủy sản cho con người. Hệ thống các nhánh suối phân bố tương đối đồng đều trên địa bàn. Lưu lượng nước của các suối đều ảnh hưởng theo mùa. Mùa mưa nước lớn dâng nhanh, dòng chảy mạnh. Mùa khô lưu lượng nước mau rút, lưu lượng nước giảm đáng kể, có những dòng suối bị cạn kiệt.

1.2. Các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Huyện Đắk Song có tổng diện tích 80.646,24 ha; theo kết quả điều tra đất của Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, trên địa bàn huyện có 6 nhóm đất:

Bảng 01: Các loại đất trên địa bàn huyện Đắk Song

STT	Tên đất	Kí hiệu	Diện tích	Tỷ lệ
	TỔNG DIỆN TÍCH			
I	NHÓM ĐẤT ĐỎ	Fđ	70.349,34	87,23
1	Đất đỏ chua rất nghèo kiềm	Fd.c.gr	50.124,64	
2	Đất đỏ chua nghèo kiềm	Fd.c.vt	4.198,00	
3	Đất đỏ tầng mỏng	Fd.tm	1.928,00	
4	Đất đỏ sỏi sạn sâu có tầng loang lỗ đỏ vàng	Fd.sk2.fr	4.483,00	
5	Đất sỏi sạn sâu, nâu vàng	Fd.sk2.xa	2.251,00	
6	Đất nâu vàng, chua	Fd.c.xa	1.411,00	
7	Đất giàu mùn, nâu đỏ	Fd.hu.r	299,70	
8	Đất đỏ sỏi sạn nông có tầng loang lỗ đỏ vàng	Fd.sk1.fr	5.654,00	
II	NHÓM ĐẤT XÁM	X	6.533,00	8,09
1	Đất xám	X.h	2.936,00	
2	Đất xám tầng mặt giàu mùn	X.u	2.127,00	
3	Đất xám tầng rất mỏng	X.vtm	1.470,00	
III	NHÓM ĐẤT XÓI MÒN TRƠ SỎI ĐÁ	E	2.481,00	3,07
1	Đất xói mòn rất mạnh, đá nông, đọng mùn	E.d1.u	2.481,00	
IV	NHÓM ĐẤT GLÂY	GL	466,70	0,58
1	Đất Glây có đặc tính phù sa giàu mùn	GL.fv.hu	130,20	
2	Đất Glây giàu mùn	GL.hu.c	336,50	
V	NHÓM ĐẤT MỚI BIẾN ĐỔI	CM	316,30	0,39
1	Đất mới biến đổi đọng nước	CM.fv.st	156,30	
2	Đất mới biến đổi giàu mùn	CM.hu	160,00	
VI	NHÓM ĐẤT NÂU THẨM	PH	499,90	0,62
1	Đất nâu thẩm có tầng loang lỗ đỏ vàng	PH.fr.h	499,90	

* Nguồn: Kết quả điều tra thành lập bản đồ đất tỉnh Đắk Nông năm 2005- Viện QH và Thiết kế Nông nghiệp.

1.2.2. Tài nguyên nước

Huyện Đắk Song là một trong những vùng có nguồn nước mặt khó khăn của tỉnh Đắk Nông, do địa hình phức tạp, hệ thống sông suối có độ dốc lớn, lòng suối hẹp và có nhiều thác ghềnh, lại ở vị trí đầu nguồn, nên khả năng xây dựng các công trình thủy lợi lớn rất hạn chế, chi phí đầu tư cao. Đắk Song có 3 hệ thống sông suối chính gồm: Đắk Nông, Đắk N'Drung và suối Đắk Bu So thuộc lưu vực sông Đồng Nai. Ngoài ra, một số xã nằm trong lưu vực sông Sêrêpôk như một phần xã Nam Bình, xã Đắk Môl và xã Đắk Hòa.

1.2.3. Tài nguyên rừng

- Theo kết quả kiểm kê đất rừng năm 2022, diện tích rừng toàn huyện là 17.562,60 ha. Trong đó: Rừng phòng hộ 1.651,77 ha; rừng đặc dụng 3.560,34 ha; rừng sản xuất 12.350,49 ha.

- Diện tích rừng chiếm 21,77% tổng diện tích đất tự nhiên, trong đó hầu hết là rừng sản xuất. Trong những năm qua, do tình trạng phá rừng làm rẫy và nạn khai thác gỗ bừa bãi nên rừng bị tàn phá nghiêm trọng. Độ che phủ giảm, đất bị

bào mòn rửa trôi, nguồn sinh thủy và khả năng giữ nước của các suối giảm. Vì vậy, thiên tai lũ lụt về mùa mưa và hạn hán về mùa khô ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn.

1.2.4. Tài nguyên khoáng sản

Nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện chưa có điều kiện điều tra thăm dò kỹ, có đá sa phiá, CO₂ đã khai thác và quặng bô xít phân bố hầu hết diện tích của huyện, than bùn phân bố ở xã Đắk N'Drung, Năm N'Jang sẽ khai thác trong tương lai.

- Đối với quặng bô xít đã thăm dò trữ lượng được phê duyệt theo Quyết định số 1277/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/11/2023 về việc phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

- Nước khoáng thiên nhiên xã Đắk Mól khai thác khoảng 570m³/ngày đêm.

- Đá sa phiá ở Trường Xuân, Năm N'Jang diện tích 24,093km².

Hiện tại, trên địa bàn huyện chủ yếu là khai thác đá Bazan phục vụ xây dựng, giao thông, thủy lợi, các công trình dân dụng và đang triển khai xây dựng nhà máy chế biến đá phục vụ nhu cầu khu vực.

1.2.5. Tài nguyên nhân văn

Đắk Song là huyện có cộng đồng dân cư gồm nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống. Cơ cấu dân tộc đa dạng, chủ yếu là dân tộc Kinh, M'Nông, Tày, Thái, Nùng,... Dân tộc Kinh chiếm tỉ lệ lớn, các dân tộc khác chiếm tỉ lệ nhỏ.

Ngoài ra, sự giao thoa các nền văn hóa của các dân tộc trong tỉnh cũng tạo cho Đắk Song những nét văn hóa đặc sắc, các dân tộc anh em cùng nhau sinh sống và hỗ trợ cho nhau trong việc gìn giữ và phát huy các truyền thống tốt đẹp, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, xây dựng nên một nền văn hóa riêng của tỉnh mà các nơi khác không có được.

1.2.6. Tài nguyên du lịch

Trên địa bàn huyện có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch; có khu bảo tồn thiên nhiên Năm Nung (trên địa bàn 3 huyện: Đắk Song, Krông Nô và Đắk G'Long); có 2 thác nước chưa được khai thác, với cảnh quan rừng tự nhiên còn khá phong phú có thể xây dựng và phát triển thành các khu du lịch hấp dẫn; suối khoáng ở xã Đắk Mól - khai thác khoảng 570m³ ngày đêm, có khả năng phục vụ 500 - 700 lượt khách/ngày.

Về phi vật thể có văn hóa lễ hội các dân tộc Tây Nguyên và đồng bào dân tộc phía Bắc định cư trên địa bàn huyện; ở xã Đắk N'Drung có nghệ nhân trình diễn được các bài sử thi. Ngoài ra còn một số hồ đập khác trên địa bàn huyện trong tương lai cũng có thể khai thác đưa vào hệ thống các điểm vui chơi, giải trí, nghỉ ngơi phục vụ nhân dân trong huyện.

2. Khái quát về điều kiện kinh tế, xã hội

2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH năm 2023 như sau:

a) Có 26/31 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, chiếm 83,87%.

b) Có 05/31 chỉ tiêu không đạt kế hoạch, chiếm 16,13%, gồm:

- Thu ngân sách ước thực hiện 206,29 tỷ đồng, đạt 95,37% NQ. Nguyên nhân không đạt là do: một số chính sách thuế thay đổi, như: giảm thu 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 theo Nghị quyết số 07/NQ-CP, ngày 30/01/2023 của Chính phủ và Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg, ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; giảm thu thuế suất thuế GTGT cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP, ngày 30/6/2023 của Chính phủ; giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định 41/2023/NĐ-CP, ngày 28/6/2023 của Chính phủ; giảm tiền thuê đất của năm 2023 theo quy định tại Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg, ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Thị trường bất động sản đóng băng, không còn sôi động như năm 2022; các khoản thu từ án phí, phí thi hành án dân sự không thu được so với năm trước (năm 2022, thị trường bất động sản sôi động, người dân bán được đất, nên đã nộp tiền thi hành án của những năm trước).

- Tiếp tục khắc phục những tồn tại, hạn chế tại Kết luận số 99/KL-TTr của Thanh tra tỉnh và Kết luận số 839-KL/TU, ngày 08/7/2020 của Tỉnh ủy; trình HĐND huyện thông qua kế hoạch sử dụng đất năm 2023; chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường quản lý, sử dụng đất đai; quản lý trật tự xây dựng và quản lý bảo vệ rừng; chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng đất đối với diện tích đất thu hồi từ các công ty nông, lâm nghiệp giao về địa phương quản lý, sử dụng giai đoạn 2015-2021; triển khai quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới tại xã Đăk Môt; ban hành 41 quyết định xử phạt hành chính về đất đai, với số tiền 765,5 triệu đồng. Triển khai cấp GCN QSD đất cho 521 hộ, với tổng diện tích 278,14 ha, đạt 139,07% NQ; chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở cho 440 trường hợp, với diện tích 125.177 m²; từ đất trồng cây hằng năm sang đất trồng cây lâu năm cho 04 trường hợp, với diện tích 23.464,5 m²; từ đất nông nghiệp sang đất thương mại - dịch vụ cho 09 trường hợp, với diện tích 9811,9 m²; từ đất nông nghiệp sang đất sản xuất phi nông nghiệp 01 trường hợp với diện tích 4567,8 m²; cho thuê đất đối với 03 hộ gia đình, cá nhân với diện tích 9,1ha; thu hồi đất của 302 hộ gia đình, cá nhân với diện tích 16,34 ha; gia hạn sử dụng đất 04 trường hợp.

2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế, lĩnh vực

2.2.1. Khu vực kinh tế Nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt:

- Tổng diện tích gieo trồng các loại cây ngắn ngày trong năm là 10.426 ha/10.400 ha, đạt 100,25% KH; nhìn chung thời tiết mùa vụ thuận lợi, cây trồng

sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất và chất lượng ngày càng ổn định, năm sau cao hơn năm trước.

Tổng diện tích các loại cây công nghiệp dài ngày 43.942 ha, đạt 100,1% KH, trong đó số diện tích trồng mới trong năm 2023 là 446 ha. Tổ chức 12 lớp tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Nhìn chung các loại cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt, sâu bệnh xuất hiện rải rác, ảnh hưởng không đáng kể; thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật làm cỏ, bón phân, phòng trừ sâu bệnh đối với các mô hình đang triển khai. Báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại đối với diện tích cây trồng, vật nuôi và tài sản bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra trên địa bàn huyện.

Về thực hiện các đề án nông nghiệp: toàn huyện có 02 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; UBND huyện đang bổ sung, thiện hồ sơ hồ sơ, đề nghị UBND tỉnh công nhận thêm 01 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với cây cà phê tại xã Nam Bình, quy mô 400 ha. Về Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): huyện có 08 sản phẩm đạt chứng nhận, hạng 3 sao; hỗ trợ các chủ thể (hộ kinh doanh, HTX) hoàn thiện hồ sơ đánh giá lại việc cấp Giấy Chứng nhận đạt tiêu chuẩn 3 sao năm 2020; rà soát các sản phẩm tiềm năng, hỗ trợ các chủ cơ sở sản xuất tham gia đánh giá xếp hạng năm 2023. Về diện tích chứng nhận: toàn huyện có 2.332 ha hồ tiêu đạt chứng nhận các loại; có 65 ha sầu riêng đạt chứng nhận VietGAP tại xã Thuận Hạnh và Đắk Môt; 38 ha rau đạt chứng nhận (gồm: 03 ha rau đạt chứng nhận hữu cơ Việt Nam tại xã Trường Xuân, 35 ha rau đạt chứng nhận VietGAP tại xã Nam Bình); 239 ha cà phê đạt chứng nhận Fairtrade, UTZ và hữu cơ. Về Chương trình cảnh quan hồ tiêu bền vững: duy trì hoạt động của BCD, tổ chức tập huấn được 34 lớp.

b) Công tác chăn nuôi-thú y, thủy sản

- Tổng đàn vật nuôi (ước đạt), trâu 128 con, bò 3.210 con, dê 3.325 con, lợn 87.006 con, gia cầm 285.200 con; phun tiêu độc khử trùng (02 đợt) với 900 lít hóa chất, đạt 100% KH; tiêm phòng vắc xin Lở mồm, long móng (02 đợt) được 3.480 liều, đạt 99,42% KH; tiêm phòng vắc xin viêm da nổi cục cho trâu, bò với 2.255 liều, đạt 98,4% KH; tiêm phòng vắc xin dại chó 6.000 liều, đạt 100% KH. Nhìn chung, đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định; thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn người dân phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi, Cúm gia cầm, Lở mồm long móng và Viêm da nổi cục trên Trâu, Bò; tăng cường quản lý, kiểm soát giết mổ động vật, bảo đảm an toàn thực phẩm.

c) Công tác lâm nghiệp

Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 15/11/2023: phát hiện, lập biên bản xử lý 51 vụ vi phạm, trong đó: phá rừng 24 vụ/3,4508 ha và 319 cây thông; tàng trữ lâm sản trái phép 05 vụ/18,017 m³ gỗ; vận chuyển lâm sản 14 vụ (316 cây Dương xỉ

và 2,96 m³ gỗ); khai thác lâm sản trái phép 08 vụ/47 cây gỗ tạp và 13,305 m³ gỗ; tổng số vụ đã xử lý (gồm cả tồn năm 2022 chuyển sang) 48 vụ, tồn chưa đến thời hiệu xử lý 20 vụ; nộp NSNN 50,7 triệu đồng. Về trồng rừng: tổng diện tích rừng trồng năm 2023 là 101,1708 ha, đạt 202,3%NQ.

Ban hành 01 quyết định, 05 kế hoạch, 06 báo cáo về lâm nghiệp; xây dựng phương án giao, cho thuê rừng đối với diện tích giao về địa phương quản lý; thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các chủ rừng tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và kế hoạch phát triển rừng năm 2023; triển khai UBND các xã thực hiện kế hoạch giao rừng và chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2023. Tăng cường kiểm tra, thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng vi phạm pháp luật lĩnh vực lâm nghiệp.

d) Nông thôn mới

Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; triển khai Quyết định 18/2022/QĐ-TTg, ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2023-2025; kế hoạch triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023. Tổ chức thẩm tra, đánh giá mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng NTM đối với xã Đắc Môl; hướng dẫn UBND các xã rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã NTM, giai đoạn 2021-2025. Đến nay, huyện có 05 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, sau khi rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí mới, giai đoạn 2021-2025, kết quả: đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, giảm 07 tiêu chí; tổng số tiêu chí nông thôn mới các xã bình quân đạt 13,6/19 tiêu chí. Đối với các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới: qua rà soát theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025, kết quả: xã Đắc Môl đạt 15/19 tiêu chí, hiện đang đẩy nhanh tiến độ về đích NTM trong năm 2023; xã Đắc N'Drung đạt 12/19 tiêu chí; xã Trường Xuân đạt 13/19 tiêu chí.

2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại-dịch vụ

Tổng giá trị sản xuất CN, TTCN-XD ước đạt 3.476 tỷ đồng, đạt 144,77% NQ, giảm 44,29% so với năm 2022, trong đó: giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN ước đạt 1.549 tỷ đồng, tăng 10,4% so với năm trước; giá trị xây dựng ước đạt 1.927 tỷ đồng, giảm 60,17% so với năm trước. Các sản phẩm sản xuất công

nghiệp chủ yếu của các công ty, doanh nghiệp, như: sản xuất gỗ ván ép đạt khoảng 44.057 m³, tăng 1,15% so với năm trước; sản xuất tinh bột sắn đạt khoảng 12.000 tấn, giảm 28,6% so với năm trước (nguyên nhân do thiếu nguyên liệu); sản lượng CO₂ đạt khoảng 2.269 tấn, giảm 3,78% so với năm trước; sản lượng khai thác đá các loại đạt khoảng 127.000 m³, giảm 5,23% so với năm trước; doanh thu bán điện từ các dự án năng lượng ước đạt 393,822 tỷ đồng.

Cấp 32 GPXD, với tổng diện tích 483,73 m²; phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật 17 công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, 03 công trình giao thông; kiểm tra, đánh giá tình trạng tài sản và khả năng sửa chữa 11 công trình; chấp thuận xây dựng cùng thời điểm cấp phép thi công 07 công trình xây dựng; đầu tư sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng trục đường Quốc lộ 14 và các trục nội thị. Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu đầu tư phát triển giao thông vận tải năm 2022 và kế hoạch năm 2023; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tiêu chí đô thị thị trấn Đức An; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng có hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn; bổ sung, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Đức An.

Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ước đạt 2.626 tỷ đồng, đạt 103,63% NQ, tăng 18,45% so với cùng kỳ năm trước. Xây dựng và triển khai kế hoạch đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả năm 2023; kế hoạch kiểm tra hoạt động thương mại - dịch vụ năm 2023; kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh và khai thác chợ; rà soát, đăng ký kế hoạch khuyến công năm 2024; tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày quyền của người tiêu dùng năm 2023. Nhìn chung hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ ổn định, không xảy ra đầu cơ, găm hàng; tình hình cung ứng hàng hoá tiêu dùng ổn định, đáp ứng nhu cầu mua sắm của Nhân dân.

Về khoa học và công nghệ: báo cáo kết quả hoạt động KH&CN cơ sở năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; tổ chức cuộc thi sáng tạo kỹ thuật huyện Đăk Song năm 2023; tổ chức Hội nghị kết nối, quảng bá và phát triển bền vững Hồ tiêu huyện Đăk Song năm 2023; hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ ứng dụng khoa học và công nghệ “*chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ mô hình nuôi thương phẩm các Chép VI chuyển giòn trong ao tại huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông*”.

2.3. Công tác quản lý và sử dụng đất đai và môi trường

Ban hành 22 báo cáo về đất đai; tiếp tục khắc phục những tồn tại, hạn chế tại Kết luận số 99/KL-TTr của Thanh tra tỉnh và Kết luận số 839-KL/TU, ngày 08/7/2020 của Tỉnh ủy; trình HĐND huyện thông qua kế hoạch sử dụng đất năm 2023; chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường quản lý, sử dụng đất đai; quản lý trật tự xây dựng và quản lý bảo vệ rừng; chấp hành pháp luật trong công tác

quản lý, sử dụng đất đối với diện tích đất thu hồi từ các công ty nông, lâm nghiệp giao về địa phương quản lý, sử dụng giai đoạn 2015-2021; triển khai quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới tại xã Đăk Môt; ban hành 41 quyết định xử phạt hành chính về đất đai, với số tiền 765,5 triệu đồng. Triển khai cấp GCN QSD đất cho 521 hộ, với tổng diện tích 278,14 ha, đạt 139,07% NQ; chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở cho 440 trường hợp, với diện tích 125.177 m²; từ đất trồng cây hằng năm sang đất trồng cây lâu năm cho 04 trường hợp, với diện tích 23.464,5 m²; từ đất nông nghiệp sang đất thương mại - dịch vụ cho 09 trường hợp, với diện tích 9811,9 m²; từ đất nông nghiệp sang đất sản xuất phi nông nghiệp 01 trường hợp với diện tích 4567,8 m²; cho thuê đất đối với 03 hộ gia đình, cá nhân với diện tích 9,1ha; thu hồi đất của 302 hộ gia đình, cá nhân với diện tích 16,34 ha; gia hạn sử dụng đất 04 trường hợp.

Về thực hiện Kế hoạch 437/KH-UBND: trong năm, đã triển khai cấp GCN QSD đất cho 53 hộ gia đình, cá nhân với diện tích 31,2 ha; nâng tổng số diện tích cấp trước và sau kế hoạch đến nay là 3.244,1 ha/3.848,2 ha, đạt 84,3% KH.

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022; kết quả triển khai Nghị định số 02/2023/NĐ-CP, ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; cấp 04 Giấy phép môi trường tại xã Nâm N'Jang và Đăk Hòa; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Đất ngập nước thế giới năm 2023. Ban hành 01 quyết định xử phạt hành chính tại xã Thuận Hà về khai thác khoáng sản trái phép; tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu vệ sinh môi trường, xử lý rác thải sinh hoạt năm 2023; kiểm tra công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại UBND các xã và thị trấn; thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp năm 2023; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Đất ngập nước thế giới năm 2023; thiết lập và thực hiện Quy chế đường dây nóng về bảo vệ môi trường; kiểm tra việc chấp hành pháp về bảo vệ môi trường, chăn nuôi, đất đai và xây dựng các trang trại chăn nuôi trên địa bàn.

2.4. Công tác xây dựng cơ bản

Về giải ngân vốn đầu tư phát triển năm 2023: tổng kế hoạch vốn được giao là 162,286 tỷ đồng, ước giải ngân đến ngày 31/12/2023 là 139,908 tỷ đồng, đạt 86,21% KH. Tăng cường kiểm tra, giám sát hiện trường, đôn đốc các nhà thầu thi công, tư vấn đẩy nhanh tiến độ; thực hiện thanh toán, giải ngân ngay khi có khối lượng nghiệm thu. Về triển khai 04 công trình mở mới năm 2023 (đến nay đã khởi công xây dựng 03/04 công trình, khối lượng từ 25-98%; 01 công trình đã bàn giao mặt bằng, dự kiến khởi công trong tháng 11/2023. Thường xuyên đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công 13 công trình chuyển tiếp, đã nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 08 công trình. Về kế hoạch bán đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023: đã bán đấu giá thành công 28/32 thửa đất, số thu ngân sách 16,396 tỷ đồng, đạt 109% KH. Về quy hoạch cục bộ thị trấn Đức An và lập quy hoạch chi tiết 1/500 khu vực đường vành đai phía Đông:

đơn vị tư vấn đang làm rõ một số chi tiết hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch. Về giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư công: đã hoàn thành dự án Đường hầm bộ binh ĐH07, đối với 06 dự án còn lại đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

2.5. Thu, chi ngân sách

Ban hành 63 báo cáo, 12 kế hoạch lĩnh vực tài chính - kế hoạch; báo cáo kết quả giải ngân nguồn vốn 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 và năm 2023 theo định kỳ. Xây dựng và triển khai Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023; Chỉ thị tăng cường công tác quản lý thu ngân sách nhà nước năm 2023; thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước còn tồn đọng từ năm 2011 đến 2020; đề xuất UBND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách TW giai đoạn 2021-2025, bổ sung thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; giải trình các kiến nghị kiểm toán còn vướng mắc, không thể thực hiện từ năm 2011 đến năm 2020. Chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước; xây dựng dự toán NSNN năm 2024 và lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024 - 2026; hỗ trợ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ phát sinh năm 2023 và từ nguồn kết dư năm 2022.

Triển khai thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2023, đảm bảo nguồn kinh phí cho hoạt động thường xuyên và nhiệm vụ phát sinh theo quy định. Cấp 469 giấy phép kinh doanh cá thể; thành lập mới 09 HTX, đạt 900% NQ, thay đổi nội dung 06 giấy phép thành lập Hợp tác xã. Nhìn chung, công tác chi ngân sách cơ bản đảm bảo tiến độ thực hiện công tác giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển, phân bổ kinh phí thường xuyên cho các đơn vị dự toán.

2.6. Chính sách xã hội, lao động và giải quyết việc làm

Thực hiện tốt việc chi trả trợ cấp định kỳ tháng cho đối tượng người có công, bảo trợ xã hội và triển khai thực hiện các chế độ chính sách đảm bảo đúng quy định. Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thanh toán 125 hồ sơ cho đối tượng người có công; mua, cấp thẻ BHYT cho 1.299 đối tượng người có công và thân nhân người có công, với tổng số tiền 516.094.850 đồng.

Ban hành 16 kế hoạch, 11 báo cáo chuyên ngành về lĩnh vực chính sách xã hội, 440 quyết định hưởng trợ cấp thường xuyên mới cho đối tượng bảo trợ xã hội. Triển khai chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có khó khăn về nhà ở trên địa bàn; xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nghề nông thôn năm 2023. Qua kiểm tra, rà soát, tổng số hộ nghèo năm 2023 còn 592 hộ/20.807 hộ gia đình toàn huyện, chiếm tỷ lệ 2,84%, giảm 1,23% so với kết quả điều tra cuối năm 2022; hộ cận nghèo còn 1.238 hộ, chiếm tỷ lệ 5,94%, giảm 0,94% so với kết quả điều tra cuối năm 2022; tỷ lệ hộ nghèo trong dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 6,73%, giảm 2,2% so với năm 2022, vượt chỉ tiêu NQ.

3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường.

3.1 Thuận lợi

- Huyện Đăk Song nằm dọc trên trục Quốc lộ 14, được Chính phủ quy hoạch tuyến đường Hồ Chí Minh, giao thông nội vùng thuận lợi. Đây là lợi thế đáng kể của huyện Đăk Song so với một số huyện khác trong tỉnh.

- Điều kiện về đất đai tốt, khí hậu thuận lợi để phát triển tập đoàn cây công nghiệp lâu năm phục vụ chế biến xuất khẩu như cà phê, hồ tiêu, mắc ca. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên nhân khẩu và lao động khá cao (1ha/LĐ).

- Tài nguyên đất đai đa dạng, màu mỡ, bên cạnh đó có nguồn nước mặt dồi dào là điều kiện thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp hàng hóa đa canh; thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ, đưa cơ giới hóa vào sản xuất, hình thành vùng sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, chất lượng cao.

- Điều kiện thời tiết nắng nhiều, chế độ nhiệt, chiếu sáng thích hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt trong điều kiện có tưới sẽ là điều kiện để cây trồng cho năng suất cao, chất lượng tốt.

- Diện tích rừng sản xuất lớn, chiếm 21,77% diện tích đất tự nhiên; với chủ yếu là rừng trồng sản xuất và đất đang sử dụng để bảo vệ, phát triển rừng sản xuất, đây là cơ sở để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp chế biến lâm sản của huyện cũng như phát triển rừng gỗ lớn để nâng cao hiệu quả kinh tế rừng.

- Điều kiện địa hình có nhiều khả năng xây dựng các hồ, đập, làm thủy lợi, phục vụ thâm canh phát triển ngành nông nghiệp có năng suất, chất lượng cao và du lịch sinh thái.

- Về xã hội: với dân số có mật độ trung bình so với diện tích đất đai nông nghiệp bảo đảm công ăn việc làm, không gây áp lực lớn về vấn đề thiếu đất sản xuất, có điều kiện để tăng thu nhập cho nông dân.

- Về môi trường: có sự thay đổi, nhưng việc sử dụng đất vào mục đích cây công nghiệp dài ngày tạo nên thảm phủ khá tốt, hình thành vùng sinh thái nông nghiệp bền vững.

3.2. Khó khăn

- Kinh tế phát triển khá nhưng chưa vững chắc. Nền kinh tế của huyện chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết. Thực hiện tái cơ cấu ngành còn chậm. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp tuy có bước phát triển khá nhưng chưa đạt được mục tiêu đề ra. Phát triển kinh tế tập thể còn khó khăn, chưa có nhiều hợp tác xã thực hiện hiệu quả.

- Công tác quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất đai còn bất cập; quản lý đất đai có nơi chưa chặt chẽ. Tình trạng lấn chiếm, chuyển mục đích sử dụng,

làm nhà ở trái phép trên đất nông nghiệp còn xảy ra. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đo đạc chỉnh lý biên độ đất đai vẫn còn thiếu sót, một số trường hợp gây bức xúc trong Nhân dân. Quản lý tài nguyên nước, bảo vệ môi trường một số nơi chưa chặt chẽ; một số cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nhưng xử lý chưa triệt để, còn để kéo dài.

PHẦN II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
HUYỆN ĐẮK SONG

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

2.1.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 và biến động đất đai năm 2023 so với năm 2022.

Trên cơ sở hiện trạng đất đai năm 2022 được phê duyệt theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, căn cứ vào kết quả đánh giá công trình, dự án thực hiện trong năm 2023; hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện Đắk Song và biến động đất đai như sau:

Bảng 2.1: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đắk Song

STT	Chỉ tiêu	Mã	HT năm 2022 ước thực hiện (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022		Kết quả thực hiện			
				Kế hoạch 2023 được duyệt (ha)	Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Thống kê năm 2022 công bố	Kết quả ước thực hiện năm 2023	Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)=(9/6)*100
	Tổng diện tích tự nhiên = (1+2+3)		80.646,24	80.646,24		80.646,24	80.646,24	-	
1	Đất nông nghiệp	NNP	75.266,83	75.019,73	(247,10)	75.367,98	75.352,20	(15,77)	6,38
1.1	Đất trồng lúa	LUA	370,02	370,02	-	370,00	370,00		
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	92,31	92,31	-	92,32	92,32		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	10.535,34	10.492,61	(42,73)	10.558,95	10.557,97	(0,98)	2,29
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	47.718,18	47.483,61	(234,57)	47.493,43	47.478,64	(14,79)	6,30
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.651,77	1.651,77	-	1.668,27	1.668,27	-	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	3.557,34	3.557,34	-	3.558,90	3.558,90	-	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	10.479,07	10.473,96	(5,11)	10.763,31	10.763,31	-	

STT	Chỉ tiêu	Mã	HT năm 2022 ước thực hiện (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022		Kết quả thực hiện			
				Kế hoạch 2023 được duyệt (ha)	Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Thống kê năm 2022 công bố	Kết quả ước thực hiện năm 2023	Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)=(9/6)*100
	<i>Trong đó: Đất rừng SX là rừng TN</i>	RSN	9.846,14	9.846,14	-	9.846,14	9.846,14	-	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	889,70	889,66	(0,04)	889,70	889,70		
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	65,41	100,76	35,35	65,41	65,41		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.263,59	5.510,69	247,10	5.162,44	5.178,21	15,77	6,38
	<i>Trong đó:</i>				-			-	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	106,48	107,06	0,58	106,48	106,48	-	
2.2	Đất an ninh	CAN	8,65	14,16	5,51	8,38	8,38	-	
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	16,44	28,89	12,45	18,34	18,77	0,43	3,45
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	61,02	67,06	6,04	61,16	60,54	(0,62)	10,26
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	7,04	7,04	-	7,04	7,04	-	
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	25,23	99,09	73,86	21,87	21,87	-	
2.7	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.336,53	2.466,53	130,01	2.236,79	2.237,15	0,36	0,28
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	1.367,97	1.487,69	119,72	1.351,43	1.351,59	0,16	0,13
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	465,40	466,62	1,22	465,40	465,40	-	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	5,18	5,63	0,45	2,67	3,12	0,45	100
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	3,83	3,71	(0,12)	3,83	3,83	-	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	48,56	48,31	(0,25)	48,31	48,06	(0,25)	100
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	7,07	7,07	-	9,38	9,38	-	
-	<i>Đất CT năng lượng</i>	<i>DNL</i>	312,27	318,87	6,60	231,57	231,57	-	

STT	Chỉ tiêu	Mã	HT năm 2022 ước thực hiện (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022		Kết quả thực hiện			
				Kế hoạch 2023 được duyệt (ha)	Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Thống kê năm 2022 công bố	Kết quả ước thực hiện năm 2023	Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)=(9/6)*100
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,30	1,42	0,12	1,27	1,27	-	
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	0,09	0,09	-	0,09	0,09	-	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,53	0,53	-	0,53	0,53	-	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	55,69	55,96	0,27	55,69	55,69	-	
-	Đất làm nghĩa trang, ND, TL, HT	NTD	65,40	67,40	2,00	63,40	63,40	-	
-	Đất chợ (Tỉnh, huyện, xã)	DCH	3,24	3,24	-	3,24	3,24	-	
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	10,68	11,10	0,42	10,53	10,53	-	
2.9	Đất vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,15	1,15	-	1,15	1,15	-	
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	807,30	820,05	12,75	807,30	819,03	11,73	92,03
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	68,67	74,87	6,20	68,67	72,80	4,13	66,60
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,99	12,99	-	13,04	13,04	-	
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,73	0,47	(0,26)	0,73	0,47	(0,26)	100
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.770,49	1.769,76	(0,73)	1.770,49	1.770,49	-	
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	30,47	30,47	-	30,47	30,47	-	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	115,82	115,82	-	115,82	115,82	-	

* *Nguồn: - Thống kê đất đai năm 2022 huyện Đắk Song;*

- *Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo KH được phê duyệt năm 2023*
- *Kết quả thực hiện công trình, dự án đã thực hiện năm 2023.*

Tổng diện tích tự nhiên: Năm 2023 tổng diện tích trong địa giới hành chính của huyện có 80.626,24 ha, ổn định so với năm 2022; trong đó:

* **Nhóm đất nông nghiệp:** Nhóm đất nông nghiệp năm 2023 diện tích là 75.352,20 ha, chiếm 93,44% tổng diện tích tự nhiên, giảm 15,77 ha so với năm 2022, trong đó các loại đất tăng giảm như sau:

- Đất trồng lúa: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất trồng lúa 370,02 ha, chiếm 0,46% tổng diện tích tự nhiên (sau đây viết tắt là DTTN), không biến động so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Kết quả thực hiện năm 2023 của đất trồng lúa 370,00 ha, thấp hơn 0,02 ha so với kế hoạch được duyệt. Số liệu chênh lệch là do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

+ *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất chuyên trồng lúa nước 92,31 ha, chiếm 0,11% tổng DTTN không biến động so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.*

Kết quả thực hiện năm 2023 của diện tích đất chuyên trồng lúa nước 92,92 ha, cao hơn 0,01 ha so với kế hoạch được duyệt. Số liệu chênh lệch là do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

- Đất trồng cây hàng năm: Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

- + Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 10.535,34 ha;
- + Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 10.492,61 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất trồng cây hàng năm giảm 42,73 ha để chuyển qua các mục đích: Đất nông nghiệp khác 3,86 ha, đất thương mại dịch vụ 0,28 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 28,79 ha, đất giao thông 6,65 ha, đất năng lượng 0,10 ha, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa 2,00 ha, đất ở tại nông thôn 0,80 ha, đất ở tại đô thị 0,25 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 10.588,95 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 10.557,97 ha giảm 0,98 ha so với thống kê năm 2022, đạt 2,29% kế hoạch đã được phê duyệt. Diện tích giảm để thực hiện các dự án: Chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị 0,17 ha; chuyển mục đích đất ở tại nông thôn 0,81 ha;

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

- Đất trồng cây lâu năm: Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 47.718,18 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 47.483,61 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất trồng cây lâu năm giảm 234,57 ha để chuyển qua các mục đích: Đất nông nghiệp khác 31,49 ha, đất quốc phòng 0,58 ha, đất an ninh 5,31 ha, đất thương mại dịch vụ 12,73 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 4,06 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 42,17 ha, đất giao thông 110,95 ha, đất thủy lợi 1,22 ha, đất cơ sở giáo – đào tạo 0,70 ha, đất năng lượng 6,50 ha, đất bưu chính, viễn thông 0,12 ha, đất cơ sở tôn giáo 0,27 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,15 ha, đất ở tại nông thôn 12,54 ha, đất ở tại đô thị 5,78 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 47.493,43 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 47.478,64 ha giảm 14,79 ha so với thống kê năm 2022, đạt 6,30% kế hoạch đã được phê duyệt. Diện tích giảm để thực hiện các dự án:

+ Đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh, với diện tích 0,16 ha;

+ Điểm du lịch trang trại gà rừng và hoa hồng, với diện tích 0,27 ha;

+ CMD sang đất thương mại, dịch vụ tại các thửa 39, 40, 74 và 57, với diện tích 0,23 ha;

+ Mở rộng khuôn viên trường mẫu giáo Hoa Mai, với diện tích 0,20 ha;

+ Chuyển mục đích đất ở tại nông thôn, với diện tích 91,97 ha;

+ Chuyển mục đích đất ở tại đô thị, với diện tích 3,96 ha;

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

- Đất rừng phòng hộ: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất rừng phòng hộ 1.651,77 ha, chiếm 2,07% tổng DTTN, không biến động so với hiện trạng.

Hiện trạng đất rừng phòng hộ năm 2023 có 1.668,27 ha, cao hơn 16,50 ha so với kế hoạch được phê duyệt. Nguyên nhân diện tích hiện trạng cao hơn 16,50 ha là do số liệu điều chỉnh theo số liệu công bố rừng.

- Đất rừng đặc dụng: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất rừng đặc dụng 3.557,34 ha, chiếm 4,41% tổng DTTN, không biến động so với hiện trạng.

Hiện trạng đất rừng đặc dụng năm 2023 có 3.558,90 ha, cao hơn 1,57 ha so với kế hoạch được phê duyệt. Nguyên nhân diện tích hiện trạng cao hơn 1,57 ha là do số liệu điều chỉnh theo số liệu công bố rừng.

- Đất rừng sản xuất: Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 10.479,07 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 10.473,96 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất rừng sản xuất giảm 5,11 ha để chuyển qua các mục đích: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,80 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 3,01 ha, đất giao thông 0,30 ha.

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 10.763,31 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 10.763,31 ha không biến động so với thống kê năm 2022.

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh theo số liệu công bố rừng.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 889,70 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 889,66 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 0,04 ha để chuyển qua mục đích đất giao thông;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 889,70 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 889,70 ha không biến động so với thống kê năm 2022.

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện số liệu hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

- Đất nông nghiệp khác: Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 65,41 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 100,76 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất nông nghiệp khác tăng 35,35 ha chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 3,86, đất trồng cây lâu năm 31,49 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 65,41 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 65,41 ha không biến động so với thống kê năm 2022.

* **Nhóm đất phi nông nghiệp:** Nhóm đất phi nông nghiệp năm 2023 diện tích là 5.510,69 ha, chiếm 6,83% tổng diện tích tự nhiên, tăng 15,77 ha so với năm 2022, trong đó các loại đất tăng giảm như sau:

- Đất quốc phòng: Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 106,48 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 107,06 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất quốc phòng tăng 0,58 ha tăng từ đất trồng cây lâu năm 0,58 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 106,48 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 106,48 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất.

- Đất an ninh: Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 8,65 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 14,16 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất an ninh tăng 5,51 ha tăng từ đất trồng cây lâu năm 5,51 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 8,38 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 8,38 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất.

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện số liệu hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

- Đất thương mại, dịch vụ: Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 16,44 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 28,89 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất thương mại dịch vụ tăng 12,45 ha chuyển từ các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác 3,86, đất trồng cây lâu năm 31,49 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 18,34 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 18,77 ha tăng 0,43 ha so với thống kê năm 2022, đạt 3,45% kế hoạch đã được phê duyệt. Diện tích tăng để thực hiện các dự án:

+ Điểm du lịch trang trại gà rừng và hoa hồng, với diện tích 0,27 ha;

+ CMD sang đất thương mại, dịch vụ tại các thửa 39, 40, 74 và 57, với diện tích 0,23 ha;

Diện tích đất thương mại dịch vụ giảm 0,07 ha thực hiện công trình đấu giá đất ở trụ sở lâm trường Đăk Rung cũ;

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 61,02 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 67,06 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 6,04 ha chuyển từ các loại đất: Đất rừng sản xuất 1,80 ha, đất trồng cây lâu năm 4,06 ha, đất sản xuất vật liệu, xây dựng 0,80 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 61,16 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 60,54 ha giảm 0,62 ha so với thống kê năm 2022, Số liệu giảm 0,62 ha do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 7,04 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN, không biến động so với hiện trạng.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 25,23 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 99,09 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tăng 73,86 ha chuyển từ các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác 28,79, đất trồng cây lâu năm 42,17 ha, đất rừng sản xuất 3,01 ha. Diện tích giảm 0,80 ha để chuyển qua đất cho hoạt động khoáng sản;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 21,87 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 21,87 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng;

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Diện tích năm 2023 là 2.237,15 chiếm 2,77% tổng DTTN, tăng 0,36 ha so với năm 2022. Cụ thể:

+ *Đất giao thông*: Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 1.367,97 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 1.487,69 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất giao thông tăng 119,72 ha chuyển từ các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác 6,65 ha, đất trồng cây lâu năm 110,95 ha, đất rừng sản xuất 0,30 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,04 ha, đất ở tại nông thôn 1,84 ha, đất ở tại đô thị 0,02 ha, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,04 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 1.351,43 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 1.351,59 ha tăng 0,16 ha so với thống kê năm 2022, đạt 0,13% kế hoạch đã được phê duyệt. Diện tích tăng để thực hiện các dự án: Đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh, với diện tích 0,16 ha;

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

+ *Đất thủy lợi*: Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 465,40 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 466,62 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất thủy lợi tăng 1,22 ha chuyển từ đất trồng cây lâu năm 1,22 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 465,40 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 465,40 ha. Diện tích không thay đổi so với hiện trạng công bố.

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*:

Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 5,18 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 5,63 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa tăng 0,45 ha chuyển đất cơ sở giáo dục;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 2,67 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 3,12 ha tăng 0,45 ha so với thống kê năm 2022, đạt 100,00% kế hoạch đã được phê duyệt. Diện tích tăng để thực hiện dự án: Chuyển mục đích đất trường TH Lê Văn Tám cũ sang nhà Truyền thống dân tộc M'Nông;

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế:*

Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 3,83 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 3,71 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất *xây dựng cơ sở y tế* giảm 0,12 ha chuyển qua đất ở tại nông thôn;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 3,83 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 3,83 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất đã được công bố;

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:*

Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 48,56 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 48,31 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo giảm sang các loại đất: Đất an ninh 0,20 ha, đất cơ sở văn hoá 0,45 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,30 ha; diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo tăng 0,70 ha từ đất trồng cây lâu năm;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 48,31 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 48,06 ha giảm 0,25 ha so với thống kê năm 2022, đạt 100,00% kế hoạch đã được phê duyệt. Diện tích giảm để thực hiện dự án:

Chuyển mục đích đất trường TH Lê Văn Tám cũ sang nhà Truyền thống dân tộc M'Nông, với diện tích 0,45 ha;

Mở rộng khuôn viên trường mẫu giáo Hoa Mai, với diện tích 0,20 ha;

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:*

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 7,07 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN, không biến động so với hiện trạng.

+ *Đất công trình năng lượng:*

Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 312,27 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 818,87 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất công trình năng lượng tăng 6,60 ha chuyển từ các loại đất: Đất trồng cây hàng năm 0,11 ha, đất trồng cây lâu năm 6,50 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 231,57 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 231,57 ha, không thay đổi so với hiện trạng công bố;

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

+ *Đất công trình bưu chính viễn thông:*

Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 1,30 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 1,42 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất công trình bưu chính viễn thông tăng 0,12 ha chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,12 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 1,27 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 1,27 ha, không thay đổi so với hiện trạng công bố;

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

+ *Đất có di tích lịch sử văn hóa:*

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất có di tích lịch sử văn hóa 0,09 ha, không biến động so với hiện trạng.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải 0,53 ha, không biến động so với hiện trạng.

+ *Đất cơ sở tôn giáo:*

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 55,69 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 55,96 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất xây dựng cơ sở cơ sở tôn giáo tăng từ loại đất trồng cây lâu năm 0,27 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 55,69 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 55,69 ha không thay đổi so với hiện trạng công bố;

+ *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:*

Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 65,40 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 67,40 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng tăng 2,00 ha chuyển từ đất trồng cây lâu năm 2,00 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 63,40 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 63,40 ha, không thay đổi so với hiện trạng công bố;

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

+ *Đất chợ:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất chợ 3,24 ha, không biến động so với hiện trạng.

- *Đất sinh hoạt cộng đồng:*

Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 10,68 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 11,10 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất sinh hoạt cộng đồng tăng 0,42 ha chuyển từ các loại đất: Đất cơ sở giáo dục – đào tạo 0,30 ha, đất trồng cây lâu năm 0,15 ha; diện tích dự kiến giảm 0,03 ha chuyển qua đất ở tại nông thôn;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 10,53 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 10,53 ha, không thay đổi so với hiện trạng công bố;

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích khu vui chơi, giải trí công cộng là 1,15 ha, không biến động so với hiện trạng.

- Đất ở tại nông thôn:

Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 807,30 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 820,05 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất ở tại nông thôn tăng 12,75 ha chuyển từ các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác 0,80 ha; đất trồng cây lâu năm 12,54 ha, đất thương mại dịch vụ 0,79 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,62 ha, đất xây dựng cơ sở y tế 0,12 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,03 ha, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,26 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 807,30 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 819,03 ha, tăng 11,73 ha đạt 92,03% so với kế hoạch được phê duyệt, tăng 11,73 ha để thực hiện các công trình sau:

Chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn, với diện tích 10,78 ha;

Đấu giá đất ở thu hồi của công ty TNHH MTV Thuận Tân, với diện tích 0,26 ha;

Đấu giá đất ở thu hồi của công ty TNHH MTV Thuận Tân, với diện tích 0,62 ha;

Đấu giá đất ở trụ sở lâm trường Đắc Rung cũ, với diện tích 0,07 ha;

- Đất ở tại đô thị:

Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 68,67 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 74,87 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất ở tại đô thị tăng 6,20 ha chuyển từ các loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác 0,25 ha; đất trồng cây lâu năm 5,78 ha, đất thương mại dịch vụ 0,07 ha, đất giao thông 0,12 ha; Diện tích đất giảm 0,02 ha là do chuyển qua đất giao thông;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 68,67 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 72,80 ha, tăng 4,13 ha đạt 66,60% so với kế hoạch được phê duyệt, tăng 4,13 ha để thực hiện các công trình sau:

Chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị, với diện tích 1,63 ha;
Đấu giá đất khu dân cư tại TDP 4, thị trấn Đức An, với diện tích 0,51 ha;
Quy hoạch phân lô chi tiết khu dân cư tại TDP 6 (đường vào khu công vụ), với diện tích 1,99 ha;

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan 12,99 ha, chiếm 0,02% tổng DTTN, không biến động so với hiện trạng.

Hiện trạng đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2023 có 13,04 ha, cao hơn 0,05 ha so với kế hoạch được phê duyệt.

Số liệu chênh lệch còn lại do điều chỉnh biến động hiện trạng sử dụng đất theo thống kê đất đai hàng năm.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 0,73 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 0,47 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp giảm 0,26 ha chuyển qua đất ở tại nông thôn;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 0,73 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 0,47 ha, giảm 0,26 ha đạt 100,00% so với kế hoạch được phê duyệt, giảm 0,26 ha để thực hiện các công trình sau:

Đấu giá đất ở thu hồi của công ty TNHH MTV Thuận Tân, với diện tích 0,26 ha;

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:

Theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt năm 2023:

+ Số liệu hiện trạng ước thực hiện năm 2022 là 1.770,49 ha;

+ Diện tích kế hoạch được phê duyệt năm 2023 là 1.769,76 ha;

Như vậy trong năm 2023 dự kiến diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 0,73 ha để chuyển qua các loại đất: đất sản xuất vật liệu xây dựng 0,69 ha, đất giao thông 0,04 ha;

+ Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 theo số liệu thống kê được công bố 1.770,49 ha;

+ Kết quả ước thực hiện năm 2023 là 1.770,49 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng được công bố;

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng 30,47 ha, chiếm 0,04% tổng DTTN, không biến động so với hiện trạng.

* **Nhóm đất chưa sử dụng:** Năm 2023 đất chưa sử dụng diện tích hiện trạng là 115,82 ha, chiếm 0,14% tổng DTTN, giữ nguyên so với năm 2022.

2.1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023.

2.1.2.1. Kết quả thực hiện theo danh mục công trình dự án:

- *Công trình dự án đã thực hiện:* Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện Đắc Song thực hiện được 16/102 hạng mục công trình, dự án, chỉ tiêu sử dụng đất với diện tích 15,77 ha/247,10 ha, đạt 15,68% số lượng, 6,38% diện tích. Cụ thể:

Bảng 2.2: Danh mục, dự án công trình đã thực hiện trong năm 2023

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH hoạch	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Xã, Thị trấn
1	Giao đất đất quốc phòng	CQP	Ban chỉ huy quân sự huyện	0,04	Xã Thuận Hạnh
2	Giao đất đất quốc phòng	CQP	Ban chỉ huy quân sự huyện	0,04	Xã Thuận Hạnh
3	Đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh	DGT	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện	0,16	xã Nam Bình, xã Thuận Hạnh
4	Điểm du lịch trang trại gà rừng và hoa hồng	TMD	Doanh nghiệp	0,27	Xã Nậm N'Jang
5	Chuyển mục đích đất trường TH Lê Văn Tám cũ sang nhà Truyền thống dân tộc M'Nông	DVH	Phòng Văn hóa, Thông tin	0,45	Xã Đắc N'Đrung
6	CMD sang đất thương mại, dịch vụ tại các thửa 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74 tờ 57	TMD	Hộ gia đình, cá nhân	0,23	Xã Trường Xuân
7	Chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị	ODT	Hộ gia đình, cá nhân		
7.1	CMD đất ở đô thị tại thị trấn Đức An	ODT	Hộ gia đình, cá nhân	1,63	TT. Đức An
8	Chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân		
8.1	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	1,93	Xã Nam Bình
8.2	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	0,88	Xã Thuận Hà
8.3	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	1,21	Xã Đắc N'Đrung
8.4	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	1,47	Xã Đắc Hòa

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH hoạch	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Xã, Thị trấn
8.5	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	1,08	Xã Trường Xuân
8.6	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	0,32	xã Đắc Mól
8.7	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	2,88	Xã Năm N'jang
8.8	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	1,01	xã Thuận Hạnh
9	Đấu giá đất khu dân cư tại TDP 4, thị trấn Đức An	ODT	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện	0,51	TT. Đức An
10	Quy hoạch phân lô chi tiết khu dân cư tại TDP 6 (đường vào khu công vụ)	ODT	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện	1,99	TT. Đức An
11	Đấu giá đất thương mại dịch vụ khu thu hồi của Cty lâm nghiệp trường xuân	TMD	Sở Tài chính	0,28	Xã Trường Xuân
12	Mở rộng khuôn viên trường mẫu giáo Hoa Mai	DGD	UBND xã	0,20	Xã Thuận Hạnh
13	Đấu giá đất ở thu hồi của công ty TNHH MTV Thuận Tân	ONT	Sở Tài chính	0,26	Xã Thuận Hạnh
14	Đấu giá đất ở thu hồi của công ty TNHH MTV Thuận Tân	ONT	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	0,62	Xã Thuận Hạnh
15	Đấu giá đất ở trụ sở lâm trường Đắc Rung cũ	ONT	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	0,07	Xã Năm N'Jang
16	Giao đất Chùa Thiên Phước	TON	Tổ chức tôn giáo	0,30	Xã Đắc Hòa

- Công trình dự án chưa thực hiện:

+ Công trình, dự án, chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện đề nghị chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2024 là 49 công trình dự án.

+ Công trình, dự án, chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện đề nghị hủy bỏ, không chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2024 là 37 công trình dự án.

2.1.2.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

* Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 247,10 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 thực hiện được 15,77 ha, thực hiện đạt 6,38 % so với kế hoạch được duyệt năm 2023. Trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 38,87 ha, kết quả thực hiện được 0,98 ha, đạt 2,52%;

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 203,08 ha, kết quả thực hiện được 14,79 ha, đạt 7,28%;

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 5,11 ha, kết quả đến 31/12/2023 chưa thực hiện;

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 0,04 ha, kết quả chưa thực hiện;

* Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở theo kế hoạch được duyệt năm 2023 là 1,02 ha, kết quả chưa thực hiện được 0,95 ha, đạt 47,26%.

Bảng 2.4: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng giảm (+/-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	247,10	15,77	-231,33	6,38
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	38,87	0,98	-37,89	2,52
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	203,08	14,79	-188,29	7,28
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	5,11	-	-5,11	-
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,04	-	-0,04	-
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,01	0,95	-1,06	47,26

Nguồn: Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Song; kết quả ước thực hiện đến 31/12/2023.

2.1.2.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023

Thu hồi đất năm 2023 huyện Đắk Song theo danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 (trên địa bàn huyện Đắk Song có 08 dự án) và Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 (trên địa bàn huyện Đắk Song có 06 dự án).

a. Kết quả thực hiện danh mục, dự án công trình thu hồi đất thực hiện trong năm 2023 theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai 2013;

- Cải tạo, nâng cấp đường Tỉnh lộ 682 trên địa bàn 2 xã Nam Bình, xã Đắk Mol: Hiện nay, công trình đã đo đạc, kiểm đếm tài sản, xác định giá đền bù, và đã ban hành thông báo thu hồi đất do đó chuyển tiếp sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện.

- Đường giao thông từ Trung tâm huyện Đắk Song đi xã Đắk N'Drung Thuận Hà huyện Đắk Song: Đã ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và Thông báo thu hồi đất của 45 hộ do đó chuyển tiếp sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện.

- Đường giao thông Liên xã Nam Bình – Thuận Hạnh được UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư tại quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông. Đã ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và Thông báo thu hồi đất của 04 hộ do đó chuyển tiếp sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện.

- Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối xã Nam Bình: Hiện nay, công trình đã đo đạc, kiểm đếm tài sản, xác định giá đền bù, và đã ban hành thông báo thu hồi đất do đó chuyển tiếp sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện.

- Đường giao thông từ trung tâm huyện đi xã Thuận Hà và xã Đăk N'Drung được UBND tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 1801^a /QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông: Đã ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và Thông báo thu hồi đất của 22 hộ gia đình do đó chuyển tiếp sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện.

- Mở rộng khuôn viên trường mẫu giáo Hoa Mai kết quả đến nay đã được thực hiện thu hồi đất.

- Đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh đã ban hành thông báo thu hồi đất thực hiện trong năm 2023.

b. Danh mục, dự án công trình cần phải thu hồi đất chuyển tiếp sang năm 2024;

STT	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023	MÃ QH	Diện tích	Địa điểm
1	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông	DGT	2,00	xã Trường Xuân; xã Đăk N'drung
2	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2	DGT	21,40	Xã Đăk Hòa; Xã Đăk Mól; xã Nam bình
3	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đăk Song	DGT	6,60	TT. Đức An; Xã Nam Bình
4	Dự Án 2: Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn Bon Bu Pắc, Bon N'Jang Bơ, Ding Plei, xã Trường Xuân và Bon Bu N'Dung, Bon N'Djag lu, xã Đăk N'Drung	DGT	1,95	Trường Xuân, Đăk N'drung
5	Công trình thoát nước đường tỉnh lộ đoạn Km26+070 - KM 26+170 Tỉnh lộ 6, thuộc địa bàn xã Năm N'Jang, huyện Đăk Song	DGT	0,09	Năm N'Jang
6	Đường giao thông từ trung tâm huyện đi xã Đăk N'Drung - Thuận Hà Đăk Song	DGT	9,00	TT. Đức An; Xã Đăk N'Drung; Xã Thuận Hà

b. Danh mục, dự án công trình cần phải thu hồi đất tạm thời không chuyển tiếp sang năm 2024 là:

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Xã, Thị trấn	Lý do huỷ bỏ
1	Nâng cấp đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh	DGT	3,50	Nam Bình; Thuận Hạnh	Tại dự án này chỉ thực hiện trên nền đường hiện trạng, không thu hồi đất
2	Nâng cấp đường giao thông liên xã Đăk N'Drưng - Thuận Hà	DGT	6,60	Đăk N'Drưng; Thuận Hà	Tại dự án này chỉ thực hiện trên nền đường hiện trạng, không thu hồi đất
3	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch : Hỗ trợ đầu tư bảo tồn văn hoá truyền thống xã Đăk N'Drưng"	DVH	0,04	Đăk N'Drưng	Hiện nay vị trí chưa được thống nhất, vì vậy tạm thời huỷ bỏ không chuyển tiếp
4	Dự án hồ Xơ Re	DTL	0,27	Đăk N'Drưng	Dự án đang vướng bước thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng. Vì vậy tạm thời huỷ bỏ không chuyển tiếp
5	Dự án hồ Xu Đăng (Dâng D'ri)	DTL	0,95	Đăk N'Drưng	Dự án đang vướng bước thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng. Vì vậy tạm thời huỷ bỏ không chuyển tiếp
6	Nhà máy điện gió Asian Đăk Song 1	DNL	22,70	Nam Bình	Hiện nay vị trí điều chỉnh chưa phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, vì vậy tạm thời huỷ bỏ không chuyển tiếp

2.1.2.4. Đánh giá kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đăk Song không đăng ký diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

* Kết quả đạt được và những tồn tại trong thực hiện kế hoạch năm 2023:

Nhìn chung, việc thực hiện kế hoạch sử dụng năm 2023 của huyện đã theo sát theo Quyết định số 949/QĐ-UBND, ngày 07/08/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông và đã đạt được những thành quả nhất định:

- Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp tỉnh, huyện, cấp xã.

- Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

- Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Bên cạnh những mặt đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện đạt rất thấp.

- Việc bố trí vốn để thực hiện dự án nhất là bố trí nguồn kinh phí để làm công tác bồi thường giải phóng mặt bằng còn thiếu và chậm nên việc triển khai dự án chưa đáp ứng được danh mục thực hiện như đã phê duyệt.

- Công tác xác định giá đất, thu hồi, giao đất, chuyển mục đích... triển khai chậm dẫn đến các thủ tục pháp lý chưa hoàn thành nên phải tiếp tục chuyển tiếp qua năm kế hoạch 2024 để triển khai thực hiện hoàn tất thủ tục pháp lý.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

a. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

- Do tình hình thu ngân sách của tỉnh, nên các dự án sử dụng từ vốn ngân sách chậm triển khai thực hiện do thiếu vốn.

- Do các dự án, công trình trên địa bàn huyện chồng lấn, quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 866/QĐ-TTg, ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính Phủ.

- Các dự án chuyển mục đích đăng ký đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch 2023, khi thực hiện còn vướng mắc về thủ tục, sai, sót hồ sơ dẫn đến tiến độ thực hiện chậm, kéo dài.

- Chính sách pháp luật về đất đai có nhiều thay đổi, đặc biệt là thay đổi liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng kịp những đòi hỏi trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thiếu quy phạm, chế tài cụ thể để xử lý những phát sinh trong thực tế.

b. Bài học kinh nghiệm trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

- Kế hoạch sử dụng đất cần thực hiện theo đúng quy trình; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện Đắk Song đến năm 2030, cũng như các quy hoạch ngành (*quy hoạch xây dựng, quy hoạch giao thông...*). Kế hoạch sử

dụng đất cần lường hết được những khó khăn trong quá trình thi công, giải phóng mặt bằng, vốn đầu tư, tránh quy hoạch treo không thực hiện được hoặc việc bố trí quỹ đất cho các mục đích sử dụng chưa phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần đảm bảo minh bạch, công khai và dân chủ.

- Các quy định của pháp luật về quản lý đất đai nói chung và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng, cần kịp thời cập nhật, thông tin và truyền thông đầy đủ và kịp thời cho các tổ chức, cá nhân sử dụng đất. Các thủ tục hành chính về đất đai cần được hướng dẫn cụ thể và thực hiện đầy đủ.

- Các thủ tục hành chính về đất đai cần chấp hành đầy đủ theo trình tự, quy định, tránh để tồn đọng các giấy tờ, đây cũng là bài học hạn chế việc quản lý và sử dụng đất đai trái pháp luật

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án nằm trong năm kế hoạch được duyệt cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hỗ trợ, tái định cư cho UBND huyện để thực hiện các dự án thu hồi đất. Phối hợp chặt chẽ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện để thực hiện đo đạc, kiểm đếm tài sản, cây cối, hoa màu trên đất.. và ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

- Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất kịp thời cho các chủ đầu tư để kịp thời triển khai thực hiện dự án. Đối với các dự án sử dụng đất (nhất là đất lúa, đất rừng) đề nghị đơn vị chủ đầu tư, chủ quản sử dụng tập trung thực hiện hoàn thành các thủ tục về đất đai trong năm kế hoạch 2024.

- Bố trí nguồn kinh phí để thực hiện việc chỉnh lý bản đồ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính để tạo thuận lợi cho việc quản lý nhà nước về đất đai một cách hiệu quả, khoa học, đúng pháp luật, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện.

PHẦN III

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Các chỉ tiêu sử dụng đất đưa vào KHSDĐ năm 2024 được xác lập dựa trên các cơ sở sau đây:

- Nghị quyết số 61/NQ-HĐND tỉnh Đắk Nông ngày 13/12/2023 về việc thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2024;

- Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 949/QĐ-UBND, ngày 07/08/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;

- Danh mục công trình dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông thông qua;

- Các công trình dự án đưa vào kế hoạch năm 2023 chưa thực hiện mà phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của huyện năm 2024, được rà soát chuyển qua thực hiện năm 2024 và công trình đề xuất mới năm 2024;

- Đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các địa phương và của hộ gia đình, cá nhân năm 2024 trên địa bàn huyện.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch 2024

Tổng nhu cầu đất để thực hiện 77 hạng mục công trình, dự án và cho dân chuyển mục đích sử dụng trong năm kế hoạch 2024 trên địa bàn huyện Đắk Song:

- Thực hiện công trình dự án mục đích quốc phòng an ninh (9 công trình): 3,94 ha;

- Công trình, dự án phải thu hồi đất được HĐND tỉnh chấp thuận (15 công trình) diện tích 63,66 ha;

- Công trình, dự án chuyển mục đích của tổ chức, hộ gia đình cá nhân: 25 hạng mục với diện tích 44,33 ha;

- Công trình, dự án đăng ký để làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, CG CNQSD đất, thu hút cấp phép dự án đầu tư: 11 hạng mục với diện tích 135,61 ha.

- Công trình, dự án đưa vào kế hoạch 2024 thực hiện đấu giá: 17 hạng mục với diện tích 2,67 ha.

(Chi tiết xem biểu 10/CH)

(Vị trí, quy mô diện tích các công trình đưa vào Kế hoạch 2024 huyện Đắk Song đều phù hợp với vị trí, chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

huyện Đắk Song được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 09/12/2022;

Căn cứ vào danh mục công trình, dự án đăng ký thực hiện trong năm kế hoạch 2024. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Song, như sau:

Bảng 3.1: Chỉ tiêu sử dụng kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2023	Kế hoạch năm 2024		
				Tổng diện tích 2024	Cơ cấu (%)	Tăng, giảm (+), (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)
I	Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		80.646,24	80.646,24	100,00	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	75.352,20	75.215,46	93,27	-136,74
1.1	Đất trồng lúa	LUA	370,00	370,00	0,46	0,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>92,32</i>	<i>92,32</i>	<i>0,11</i>	<i>0,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	10.557,97	10.535,16	13,06	-22,81
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	47.478,64	47.365,97	58,73	-112,67
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.668,27	1.668,27	2,07	0,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	3.558,90	3.558,90	4,41	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	10.763,31	10.758,50	13,34	-4,81
	<i>Trong đó: Đất rừng SX là rừng TN</i>	<i>RSN</i>	<i>9.857,44</i>	<i>9.857,44</i>	<i>12,22</i>	<i>0,00</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	889,70	889,70	1,10	0,00
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	65,41	68,96	0,09	3,55
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.178,21	5.314,95	6,59	136,74
2.1	Đất quốc phòng	CQP	106,48	106,48	0,13	0,00
2.2	Đất an ninh	CAN	8,38	9,46	0,01	1,08
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	18,77	24,48	0,03	5,71
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	60,54	65,69	0,08	5,15
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	7,04	7,04	0,01	-
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	21,87	57,26	0,07	35,39
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.237,15	2.297,38	2,85	60,23
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.351,59</i>	<i>1.397,08</i>	<i>1,73</i>	<i>45,49</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>465,40</i>	<i>465,40</i>	<i>0,58</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>3,12</i>	<i>3,12</i>	<i>0,00</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>3,83</i>	<i>3,63</i>	<i>0,00</i>	<i>(0,20)</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>48,06</i>	<i>47,49</i>	<i>0,06</i>	<i>(0,57)</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>9,38</i>	<i>9,26</i>	<i>0,01</i>	<i>(0,12)</i>
-	<i>Đất cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>231,57</i>	<i>247,27</i>	<i>0,31</i>	<i>15,70</i>
-	<i>Đất bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,27</i>	<i>1,28</i>	<i>0,00</i>	<i>0,01</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,09</i>	<i>0,09</i>	<i>0,00</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>0,53</i>	<i>0,53</i>	<i>0,00</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>55,69</i>	<i>55,69</i>	<i>0,07</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa</i>	<i>NTD</i>	<i>63,40</i>	<i>63,40</i>	<i>0,08</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>3,24</i>	<i>3,16</i>	<i>0,00</i>	<i>(0,08)</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2023	Kế hoạch năm 2024		
				Tổng diện tích 2024	Cơ cấu (%)	Tăng, giảm (+), (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-
2.10	Đất sinh hoạt công đồng	DSH	10,53	10,95	0,01	0,42
2.11	Đất vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,15	1,61	0,00	0,46
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	819,03	844,98	1,05	25,95
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	72,80	75,32	0,09	2,52
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,04	12,87	0,02	(0,17)
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,47	0,47	0,00	-
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.770,49	1.770,49	2,20	-
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	MN C	30,47	30,47	0,04	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	115,82	115,82	0,14	-

3.3.1. Đất nông nghiệp

- Diện tích hiện trạng năm 2023 có 75.352,20 ha.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích đất nông nghiệp là 75.215,46 ha, chiếm 93,27% tổng diện tích tự nhiên, giảm 136,74 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 75.215,46 ha;

+ Diện tích giảm 136,74 ha để chuyển qua các mục đích đất phi nông nghiệp. Cụ thể, các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp của huyện trong kế hoạch năm 2024 như sau:

- *Đất trồng lúa:*

+ Diện tích hiện trạng năm 2023 có 370,00 ha.

+ Trong năm kế hoạch 2024, diện tích đất lúa 370,00 ha chiếm 0,46% diện tích tự nhiên, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2023.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: Kế hoạch 2024 diện tích 92,32 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2023, chiếm 0,11% diện tích tự nhiên.

- *Đất trồng cây hàng năm khác:*

+ Diện tích hiện trạng năm 2023 có diện tích 10.557,97 ha.

+ Trong kế hoạch năm 2024, diện tích 10.535,16 ha, chiếm 13,06% diện tích tự nhiên, giảm 22,81 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng năm 2023 là 9.593,95 ha; Diện tích giảm 22,81 ha trong năm kế hoạch 2024 do chuyển qua các loại đất: Đất trồng cây lâu năm 15,00 ha, đất an ninh 0,11 ha, đất thương mại dịch vụ 0,50 ha, đất giao thông 3,00 ha, đất năng lượng 0,10 ha, đất ở tại nông thôn 3,60 ha, đất ở tại đô thị 0,50 ha.

- *Đất trồng cây lâu năm:*

+ Diện tích hiện trạng năm 2023 có 47.478,64 ha.

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm trong năm kế hoạch 2024 là 47.365,97 ha, chiếm 58,73% diện tích tự nhiên, giảm so với hiện trạng năm 2023 là 112,67 ha. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng 47.350,97 ha; Diện tích giảm 127,67 ha trong năm kế hoạch 2024 do chuyển qua các loại đất: đất nông nghiệp khác 3,55 ha, đất an ninh 0,44 ha, đất thương mại dịch vụ 5,17 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 3,26 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 33,18 ha, đất giao thông 39,64 ha, đất công trình năng lượng 15,60, đất bưu chính viễn thông 0,02 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,15 ha, đất khu vui chơi giải trí 0,46 ha, đất ở tại nông thôn 24,15 ha, đất ở tại đô thị 2,05 ha.

Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây hàng năm 15,00 ha.

- *Đất rừng phòng hộ:* Trong năm kế hoạch 2024, diện tích rừng phòng hộ không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng giữ nguyên diện tích 1.668,27 ha, chiếm 2,07% diện tích tự nhiên.

- *Đất rừng đặc dụng:* Trong năm kế hoạch 2024, diện tích rừng đặc dụng không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng giữ nguyên diện tích 3.558,90 ha, chiếm 4,41% diện tích tự nhiên.

- *Đất rừng sản xuất:*

+ Diện tích hiện trạng năm 2023 có 10.763,31 ha.

+ Trong năm kế hoạch 2024, diện tích đất rừng sản xuất 10.758,50 ha chiếm 13,34% diện tích tự nhiên, giảm so với hiện trạng năm 2023 là 4,81 ha. Trong đó: Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 10.758,50 ha; Diện tích giảm 4,81 ha trong năm kế hoạch 2024 do chuyển qua các loại đất: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,80 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 3,01 ha.

Diện tích đất rừng sản xuất giảm là do thực công trình: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh tại xã Đắc Hòa, Mỏ cát Kol Pri tại xã Đắc Hoà.

- *Đất nuôi trồng thủy sản:*

+ Diện tích hiện trạng năm 2023 có 889,70 ha.

+ Trong năm kế hoạch 2024 diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

- *Đất nông nghiệp khác:*

+ Diện tích hiện trạng năm 2023 có 65,41 ha.

+ Trong năm kế hoạch 2024, diện tích 68,96 ha chiếm 0,09% diện tích tự nhiên, tăng so với hiện trạng năm 2023 là 3,55 ha. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 65,41 ha; Diện tích tăng 3,55 ha trong năm kế hoạch 2024 do tăng từ các loại đất: đất trồng cây lâu năm 3,55 ha.

3.3.2. Đất phi nông nghiệp:

- Diện tích hiện trạng năm 2023 có 5.178,21 ha;

- Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 5.314,95 ha, chiếm 6,59% diện tích tự nhiên. Tăng 136,74 ha, so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng năm 2023 là 5.178,21 ha; Diện tích tăng 136,74 ha, do chuyển mục đích từ các loại đất qua: Đất trồng cây hàng năm 7,81 ha, đất trồng cây lâu năm 124,12 ha, đất rừng sản xuất 4,81 ha. Các chỉ tiêu cụ thể sử dụng đất phi nông nghiệp của huyện năm 2024, như sau:

- Đất quốc phòng:

Diện tích hiện trạng năm 2023 có 106,48 ha;

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 là 106,48 ha, chiếm 0,13% tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

Trong năm kế hoạch 2024 chỉ thực hiện giao đất công trình quốc phòng, với diện tích 2,71 ha.

- Đất an ninh:

Diện tích hiện trạng năm 2023 có 8,38 ha;

Chỉ tiêu đất an ninh trong kế hoạch 2024 là 9,46 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên; tăng 1,08 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích tăng lên là do thực hiện các công trình, dự án sau:

- + Công an xã Trường Xuân, với diện tích 0,22 ha;
- + Trụ sở công an xã Đắc Hoà, với diện tích 0,20 ha;
- + Trụ sở công an xã Đắc Mol, với diện tích 0,11 ha;
- + Trụ sở công an xã Thuận Hạnh, với diện tích 0,12 ha;
- + Trụ sở công an xã Thuận Hà, với diện tích 0,11 ha;
- + Trụ sở công an xã Năm N'Jang, với diện tích 0,19 ha;
- + Trụ sở công an xã Đắc N'Drung, với diện tích 0,13 ha;

- Đất thương mại dịch vụ:

+ Diện tích hiện trạng năm 2023 có 18,77 ha;

+ Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 24,48 ha, chiếm 0,03% diện tích tự nhiên. Tăng 5,71 ha, so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng năm 2023 là 18,70 ha; Diện tích tăng 5,78 ha, do chuyển mục đích từ đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm; Diện tích giảm 0,07 ha, do chuyển sang mục đích đất ở tại đô thị;

Trong năm 2024 diện tích đất thương mại dịch vụ tăng để thực hiện các công trình, dự án sau:

- + QH đất thương mại dịch vụ tại thôn 10, với diện tích 0,56 ha;
- + Trung tâm thông tin Công viên địa chất Toàn cầu Unesco, với diện tích 0,55 ha;

- + Khu Du Lịch sinh thái cầu 20, với diện tích 1,55 ha;
- + QH cây xăng thôn Đắc Lư, với diện tích 0,04 ha;
- + QH cây xăng thôn 5 xã Năm N'Jang, với diện tích 0,04 ha;
- + Điểm du lịch trang trại gà rừng và hoa hồng xã Năm N'jang với diện tích 0,71 ha;
- + CMD sang đất thương mại, dịch vụ tại thửa 162 tờ DL.02 xã Thuận Hạnh, với diện tích 1,64 ha;
- + CMD sang đất thương mại, dịch vụ tại các 1 phần các thửa 76, 77, 79 tờ 41, với diện tích 0,41 ha;
- + Đấu giá khu đất thuộc thôn 10 xã Năm N'jang (2 thửa), với diện tích 0,25 ha;
- + Đấu thuê đất chợ Đắc Mol cũ, với diện tích 0,08 ha;
- *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:*
- + Diện tích hiện trạng năm 2023 có 60,54 ha;

Chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch 2024 là 65,69 ha, Diện tích tăng 5,15 ha, do chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất để thực hiện các công trình, dự án sau:

- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại thôn 10 xã Nam Bình, với diện tích 0,06 ha;
- + CMD sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại 1 phần thửa 97 tờ 20, xã Nam Bình, với diện tích 0,20;
- + Đất cơ sở sản xuất kinh doanh mỏ đá Phú Tài, với diện tích 0,80 ha;
- + Đất cơ sở sản xuất kinh doanh tại xã Đắc Hòa, với diện tích 1,80 ha;
- + Dự án nhà máy chế biến rau củ quả, với diện tích 3,00 ha;
- *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:*
- + Diện tích hiện trạng năm 2023 21,87 ha;

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có diện tích 57,26 ha, Diện tích tăng 36,19 ha, do chuyển từ đất trồng cây lâu năm và rừng sản xuất; Diện tích giảm 0,80 để chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Trong kế hoạch năm 2024, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm để thực hiện các công trình, dự án sau:

- + Mỏ cát Kol Pri xã Đắc Hoà và Đắc Mol, với diện tích 3,70 ha;
- + Mỏ vật liệu san lấp thôn 9, xã Nam Bình, huyện Đắc Song, với diện tích 15,59 ha;
- + Mỏ vật liệu san lấp thôn 10, xã Năm N'jang, huyện Đắc Song, với diện tích 2,91 ha;
- + Mỏ vật liệu san lấp thôn 1, xã Năm N'jang, huyện Đắc Song, với diện tích 2,99 ha;

+ Mỏ đá Thuận Trung, với diện tích 11 ha;

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

+ Diện tích hiện trạng năm 2023 có 2.237,15 ha;

+ Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 2.297,38 ha, chiếm 2,85% diện tích tự nhiên. Tăng 60,23 ha, so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng năm 2023 là 2.236,17 ha; Diện tích tăng 61,21 ha, do chuyển mục đích từ các loại đất qua: đất trồng cây hàng năm 3,10 ha, đất trồng cây lâu năm 55,26 ha, đất ở tại nông thôn 2,75 ha, đất ở tại đô thị 0,10 ha. Diện tích giảm 0,98 chuyển sang các loại đất: Đất an ninh 0,40 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,30 ha, đất ở tại nông thôn 0,20 ha.

Cụ thể các loại đất phát triển hạ tầng như sau:

+ Đất giao thông:

Diện tích hiện trạng đất giao thông năm 2023 có 1.351,59 ha;

Kế hoạch năm 2024 diện tích là 1.397,08 ha, chiếm 1,73% diện tích tự nhiên, tăng 45,49 ha, so với hiện trạng năm 2023.

+ Đất thủy lợi:

Diện tích hiện trạng đất thủy lợi năm 2023 có 465,40 ha;

Diện tích đất thủy lợi trong kế hoạch năm 2024 là 465,40 ha, chiếm 0,58% diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

Diện tích hiện trạng đất xây dựng cơ sở văn hoá năm 2023 có 3,12 ha;

Kế hoạch năm 2024, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 3,12 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2023.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế:

Diện tích hiện trạng đất xây dựng cơ sở y tế năm 2023 có 3,83 ha;

Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở y tế trong kế hoạch 2024 là 3,63 ha, giảm 0,20 ha, so với hiện trạng năm 2023. Diện tích giảm do thực hiện các công trình, dự án:

- Đấu giá đất trạm y tế thôn 10 xã Nam Bình, với diện tích 0,10 ha;

- Đấu giá đất trạm y tế thôn 1 xã Nam Bình, với diện tích 0,02 ha;

- Đấu giá đất trạm y tế xã Đắc Mỏ, với diện tích 0,08 ha;

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:

Diện tích hiện trạng năm 2023 có 48,06 ha;

Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 47,49 ha, chiếm 0,06% diện tích tự nhiên. Giảm 0,57 ha, so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng năm 2023 là 47,49 ha; Diện tích giảm 0,57 ha để chuyển qua các loại đất: đất an ninh với diện tích 0,27 (Trụ sở công an xã Đắc Hoà, trụ sở công an xã Nam N'jang), đất sinh hoạt cộng đồng 0,30 ha (Chuyển trường Nguyễn Chí Thanh thành nhà văn hóa thôn Đắc Sơn).

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:*

Diện tích hiện trạng năm 2023 có 9,38 ha;

Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 9,26 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên, giảm 0,12 ha để chuyển qua đất an ninh để thực hiện công trình công an xã Năm N'jang.

+ *Đất năng lượng:*

Hiện trạng năm 2023 có 231,57 ha;

Chỉ tiêu đất năng lượng trong kế hoạch 2024 là 247,27 ha, tăng 15,70 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích tăng sử dụng vào đất trồng cây lâu năm và cây hàng năm khác. Đất năng lượng trong năm 2024 tăng để bố trí các dự án:

- Lưới điện nông thôn EU xã Thuận Hà, với diện tích 15,2 ha;

- Trạm biến áp 110Kv Asia Đắc Song 1, với diện tích 0,50 ha;

- *Đất công trình bưu chính, viễn thông:*

+ Diện tích hiện trạng năm 2023 có 1,27 ha;

+ Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 1,28 ha. Tăng 0,01 ha, so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng năm 2023 là 1,26 ha; Diện tích tăng 0,02 ha, do chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm thực hiện công trình (Bưu điện xã Đắc Mol);

Diện tích đất giảm 0,01 ha để chuyển qua đất an ninh, thực hiện công trình Công an xã Năm N'jang.

- *Đất có di tích lịch sử - văn hóa:* Chỉ tiêu đất có di tích lịch sử - văn hóa trong kế hoạch 2024 là 0,09 ha, giữ nguyên không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2023.

- *Đất bãi thải, xử lý chất thải:* Chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải trong kế hoạch 2024 là 0,53 ha, giữ nguyên không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2023.

- *Đất cơ sở tôn giáo:* Diện tích hiện trạng năm 2023 có 59,69 ha;

Kế hoạch năm 2024 đất cơ sở tôn giáo giữ nguyên không thay so với hiện trạng năm 2023.

- *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:*

Hiện trạng năm 2023 có 63,40 ha;

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích 63,40 ha, giữ nguyên không biến động so với hiện trạng năm 2023.

+ *Đất chợ:*

Hiện trạng năm 2023 có 3,24 ha;

Kế hoạch năm 2024 diện tích đất chợ là 3,16 ha, giảm 0,08 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích giảm chuyển qua đất thương mại dịch vụ để thực hiện dự án, đấu thuê chợ Đắc Mol cũ.

- *Đất sinh hoạt cộng đồng:*

+ Diện tích hiện trạng năm 2023 có 10,53 ha;

+ Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 10,95 ha. Tăng 0,42 ha, so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng năm 2023 là 10,50 ha; Diện tích tăng 0,45 ha, do chuyển mục đích từ các loại đất: Đất trồng cây lâu năm 0,15 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo 0,30 ha;

Diện tích đất giảm 0,03 ha để chuyển qua đất ở tại nông thôn, thực hiện công trình Đấu giá đất hội trường thôn 8 xã Nam Bình.

Diện tích tăng lên để thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất các công trình, dự án:

- Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng bon R'Long, với diện tích 0,05 ha;

- Chuyển trường Nguyễn Chí Thanh thành nhà văn hóa thôn Đắc Sơn, với diện tích 0,30 ha;

- Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đắc Sơn 1, với diện tích 0,10 ha;

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng giảm 0,03 ha do thực hiện dự án (Đấu giá đất hội trường thôn 8 xã Nam Bình);

+ *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:*

Hiện trạng năm 2023 có 1,15 ha;

Kế hoạch năm 2024 diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 1,61 ha, diện tích tăng 0,46 ha so với hiện trạng năm 2023, chuyển từ đất trồng cây lâu năm để thực hiện công trình: Khu vui chơi giải trí xã Trường Xuân với diện tích 0,46 ha;

- *Đất ở tại nông thôn:*

+ Diện tích hiện trạng năm 2023 có 819,03 ha;

+ Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 844,98 ha, chiếm 1,05% diện tích tự nhiên. Tăng 25,95 ha, so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng năm 2023 là 816,25 ha; Diện tích tăng 28,73 ha, do chuyển mục đích từ các loại đất qua: đất trồng cây hàng năm 3,60 ha, đất trồng cây lâu năm 24,15 ha, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,71 ha, đất xây dựng cơ sở y tế 0,20 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,03 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,04 ha; Diện tích giảm 2,78 ha để chuyển mục đích sang các loại đất: Đất thương mại dịch vụ 0,03 ha, đất phát triển hạ tầng 2,75 ha.

- *Đất ở tại đô thị:*

+ Diện tích hiện trạng năm 2023 có 72,80 ha;

+ Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 75,32 ha, chiếm 0,09% diện tích tự nhiên. Tăng 2,52 ha, so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng năm 2023 là 72,70 ha; Diện tích tăng 2,62 ha, do chuyển mục đích từ các loại đất qua: đất trồng cây hàng năm 0,50 ha, đất trồng cây lâu năm 2,05 ha, diện tích đất thương mại dịch vụ 0,07 ha. Diện tích giảm 0,10 ha để chuyển qua đất giao thông.

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 có 13,04 ha;

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích 12,87 ha chiếm tỷ lệ 0,02% diện tích tự nhiên, giảm 0,17 ha so với hiện trạng năm 2023 để thực hiện thực hiện các dự án: Bán đấu giá trụ sở UBND xã Đăk Mol cũ với diện tích 0,04 ha; trụ sở công an xã Đăk N'Drung với diện tích 0,13 ha.

- *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:*

Hiện trạng năm 2023 có 0,47 ha;

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 diện tích 0,47 ha, giữ nguyên hiện trạng.

- *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:*

Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 có 1.770,49 ha;

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có diện tích 1.770,49 ha, chiếm 2,20% diện tích tự nhiên; giữ nguyên hiện trạng so với năm 2023.

3.3.3. Đất chưa sử dụng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích 115,82 ha, chiếm tỷ lệ 0,14% so với tổng diện tích tự nhiên; giữ nguyên so với hiện trạng năm 2023.

3.4. Tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đăk Song phân theo đơn vị hành chính

Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 của huyện Đăk Song phân bổ chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã

(Chi tiết tại phần phụ biểu Biểu 06-CH)

3.5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024 diện tích các loại đất nông nghiệp chuyển sang mục đích phi nông nghiệp là 136,74 ha. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: 1,05 ha. Cụ thể:

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp: 7,81 ha;

- Đất trồng cây lâu năm chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp: 124,12 ha.

- Đất rừng sản xuất chuyển qua đất phi nông nghiệp: 4,81 ha.

Cụ thể diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch được phân theo đơn vị hành chính như sau:

Bảng 3.2: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 phân cho từng đơn vị hành chính cấp xã

ĐVT: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
				TT Đức An	Xã Nam Bình	Xã Thuận Hạnh	Xã Thuận Hà	Xã Đắc D'run	Xã Năm N'Jang	Xã Trường Xuân	Xã Đắc Mol	Xã Đắc Hoà
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(13)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	136,74	11,25	27,30	14,14	24,85	8,32	11,12	5,82	22,42	11,52
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	7,81	1,00	1,10	0,50	1,00	1,00	1,11	0,50	0,60	1,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	124,12	10,25	26,20	13,64	23,85	7,32	10,01	5,32	21,02	6,51
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	4,81	-	-	-	-	-	-	-	0,80	4,01
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,05	0,07	0,15	0,71	-	-	-	-	0,12	-

3.6. Diện tích đất cần thu hồi

Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2024 để thực hiện các công trình, dự án là 63,88 ha, trong đó: thu hồi đất nông nghiệp 61,27 ha, thu hồi đất phi nông nghiệp 2,61 ha. Diện tích các loại đất thu hồi: Thu hồi đất trồng cây hàng năm 3,00 ha, đất trồng cây lâu năm 58,27 ha; Đất ở tại nông thôn 2,51 ha. Chi tiết các chỉ tiêu đất được phân bổ theo từng đơn vị hành chính cấp xã theo biểu kèm theo.

Cụ thể diện tích các loại đất nông nghiệp chuyển sang mục đích phi nông nghiệp tại các xã như sau:

Bảng 3.3: Kế hoạch thu hồi đất đất năm 2024 cho từng đơn vị hành chính cấp xã

(Đơn vị tính: ha)

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
				TT Đức An	Xã Nam Bình	Xã Thuận Hạnh	Xã Thuận Hà	Xã Đák D'rung	Xã Nam N'Jang	Xã Trường Xuân	Xã Đák Mol	Xã Đák Hoà
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+.. ..+(13)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	TỔNG DIỆN TÍCH		63,88	8,80	7,64	-	19,81	6,32	0,09	3,64	10,36	7,22
1	Đất nông nghiệp	NNP	61,27	8,70	6,94	-	19,81	6,32	0,09	3,64	10,26	5,51
	<i>Trong đó:</i>											
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3,00	0,50	0,50	-	0,50	0,50	-	-	0,50	0,50
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	58,27	8,20	6,44	-	19,31	5,82	0,09	3,64	9,76	5,01
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2,61	0,10	0,70	-	-	-	-	-	0,10	1,71
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,51	-	0,70	-	-	-	-	-	0,10	1,71
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,10	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-

3.7. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích 115,85 ha giữ nguyên so với hiện trạng năm 2023.

3.8. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện hết nhưng phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Đồng thời bổ sung một số chỉ tiêu phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện để thực hiện trong năm 2024. Tổng danh mục công trình, dự án dự kiến thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện là 77 công trình, dự án trong đó: Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 50 công trình và Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện đăng ký mới trong năm 2024 là 27 công trình.

Các danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phân bổ đến từng xã như sau:

Bảng 3.5: Danh mục công trình dự án thực hiện trong năm 2024 cho từng đơn vị hành chính cấp xã

STT	Danh mục công trình, dự án	MĐSD	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (cấp xã)
I	Công trình, dự án dùng cho mục đích quốc phòng, an ninh		3,94	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023		3,02	
1	Giao đất công trình Đất quốc phòng	CQP	2,71	Xã Thuận Hạnh
2	Trụ sở công an xã Đắc Hòa	CAN	0,20	Xã Đắc Hoà
3	Trụ sở công an xã Đắc Môt	CAN	0,11	Xã Đắc Môt
	Dự án mới năm 2024		0,92	
4	Công an xã Thuận Hạnh	CAN	0,12	xã Thuận Hạnh
5	Công an xã Thuận Hà	CAN	0,11	xã Thuận Hà
6	Công an xã Trường Xuân	CAN	0,22	xã Trường Xuân
7	Công an xã Năm N'jang	CAN	0,19	Xã Năm N'jang
8	Công an xã Nam Bình (giao đất)	CAN	0,15	Xã Nam Bình
9	Công an xã Đắc N'Drung	CAN	0,13	Xã Đắc N'Drung
II	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		63,66	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023		41,04	
1	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắc Nông	DGT	2,00	xã Trường Xuân; xã Đắc N'drung
2	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2	DGT	21,40	Xã Đắc Hòa; Xã Đắc Môt; xã Nam bình
3	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đắc Song	DGT	6,60	TT. Đức An; Xã Nam Bình

STT	Danh mục công trình, dự án	MĐSD	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (cấp xã)
4	Dự Án 2: Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn Bon Bu Pắc, Bon N'Jang Bơ, Ding Plei, xã Trường Xuân và Bon Bu N'Drung, Bon N'Djang lu, xã Đắc N'Drung	DGT	1,95	Trường Xuân, Đắc N'drung
5	Công trình thoát nước đường tỉnh lộ đoạn Km26+070 - KM 26+170 Tỉnh lộ 6, thuộc địa bàn xã Năm N'Jang, huyện Đắc Song	DGT	0,09	Năm N'Jang
6	Đường giao thông từ trung tâm huyện đi xã Đắc N'Drung - Thuận Hà Đắc Song	DGT	9,00	TT. Đức An; Xã Đắc N'Drung; Xã Thuận Hà
	Dự án mới năm 2024		22,62	
7	Đường giao thông nội bon Ding Plei xã Trường Xuân	DGT	1,02	xã Trường Xuân
8	Đường giao thông nội bon Bu N'Drung xã Đắc N'Drung	DGT	0,41	xã Đắc N'Drung
9	Đường giao thông nội bon N'Jang Lu xã Đắc N'Drung	DGT	0,43	xã Đắc N'Drung
10	Đường giao thông nội bon N'Jang Bơ xã Trường Xuân	DGT	0,35	xã Trường Xuân
11	Đường giao thông nội bon Bu Păh xã Trường Xuân	DGT	0,30	xã Trường Xuân
12	Đường giao thông tổ dân phố 3 thị trấn Đức An kết nối Quảng trường trung tâm huyện Đắc Song	DGT	1,00	Đức An
13	Đường giao thông tổ dân phố 6 đi đường vành đai phía Đông	DGT	0,70	Đức An
14	Xây dựng điểm dân cư mới tại xã Đắc Mól, huyện Đắc Song	DTC	3,21	Xã Đắc Mól
15	Lưới điện nông thôn EU xã Thuận Hà	DNL	15,20	xã Thuận Hà
IV	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất		44,33	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023		10,83	
1	Trạm biến áp 110Kv Asia Đắc Song 1	DNL	0,50	Xã Nam Bình
2	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng bon R'Lông	DSH	0,05	Xã Đắc Mól
3	Chuyển trường Nguyễn Chí Thanh thành nhà văn hóa thôn Đắc Sơn	DSH	0,30	Xã Đắc Hòa
4	QH đất thương mại dịch vụ tại thôn 10	TMD	0,56	Xã Nam Bình
5	Trung tâm thông tin Công viên địa chất Toàn cầu Unesco Đắc Nông	TMD	0,55	Xã Năm N'Jang
6	Khu Du Lịch sinh thái cầu 20	TMD	1,50	Xã Năm N'Jang
7	QH cây xăng thôn Đắc Lư	TMD	0,04	Xã Năm N'Jang
8	QH cây xăng thôn 5	TMD	0,04	Xã Thuận Hà
9	Điểm du lịch trang trại gà rừng và hoa hồng	TMD	0,71	Xã Năm N'Jang
10	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại thôn 10	SKC	0,06	Xã Nam Bình

STT	Danh mục công trình, dự án	MĐSD	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (cấp xã)
11	Bru điện xã	DBV	0,02	Xã Đắc Mól
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đắc Sơn 1	DSH	0,10	Xã Đắc Mól
13	Đất nông nghiệp khác xã Đắc Mól	NKH	1,55	Xã Đắc Mól
14	CMD sang đất thương mại, dịch vụ tại thửa 162 tờ DL.02 xã Thuận Hạnh	TMD	1,64	xã Thuận Hạnh
15	CMD sang đất thương mại, dịch vụ tại các 1 phần các thửa 76, 77, 79 tờ 41	TMD	0,41	Xã Nam Bình
16	CMD sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại 1 phần thửa 97 tờ 20	SKC	0,20	Xã Nam Bình
17	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh mỏ đá Phú Tài	SKC	0,80	Xã Đắc Hòa
18	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh tại xã Đắc Hòa	SKC	1,80	Xã Đắc Hòa
	Dự án mới năm 2024		33,50	
19	Chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị	ODT	2,00	
19.1	CMD đất ở đô thị tại thị trấn Đức An	ODT	2,00	TT. Đức An
20	Chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn	ONT	14,50	
20.1	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	3,00	Xã Nam Bình
20.2	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	2,00	Xã Thuận Hà
20.3	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	2,00	Xã Đắc N'Đrung
20.4	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	2,00	Xã Đắc Hòa
20.5	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	1,50	Xã Trường Xuân
20.6	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	0,50	xã Đắc Mól
20.7	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	2,00	Xã Nam N'jang
20.8	CMD sang đất ở tại nông thôn	ONT	1,50	xã Thuận Hạnh
21	Đất nông nghiệp khác xã Đắc Hòa	NKH	2,00	Xã Đắc Hòa
22	CMD sang đất hàng năm qua cây lâu năm	CLN	5,00	xã Thuận Hạnh
23	CMD sang đất hàng năm qua cây lâu năm	CLN	5,00	Xã Trường Xuân
24	CMD sang đất hàng năm qua cây lâu năm	CLN	5,00	xã Đắc Mól
25	Khu vui chơi giải trí xã Trường Xuân	DKV	0,46	Trường Xuân
V	Công trình, dự án đăng ký để làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, CG CNQSD đất, thu hút cấp phép dự án đầu tư		135,61	

STT	Danh mục công trình, dự án	MĐSD	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (cấp xã)
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023		114,19	
1	Chùa Giác Nguyên	TON	0,50	Xã trường Xuân
2	Chùa Phước Nguyên	TON	0,50	Xã Đắc N'Drung
3	Dự án nhà máy chế biến rau củ quả	SKC	3,00	Xã Thuận Hà
4	Điểm du lịch sinh thái thác Lưu Ly	TMD	339	Xã Nam N'Jang
5	Mỏ cát Kol Pri	SKX	3,7	xã Đắc Hòa, xã Đắc Mól
6	Mỏ vật liệu san lấp thôn 9, xã Nam Bình, huyện Đắc Song	SKX	15,59	xã Nam Bình
7	Mỏ vật liệu san lấp thôn 10, xã Nam N'jang, huyện Đắc Song	SKX	2,91	Xã Nam N'jang
8	Mỏ vật liệu san lấp thôn 1, xã Nam N'jang, huyện Đắc Song	SKX	2,99	Xã Nam N'jang
	Dự án mới năm 2024		21,42	
9	Đất cơ sở tôn giáo tại Bon Bujri	TON	0,42	xã Đắc Mól
10	Mỏ đá Thuận Trung	SKX	11	Xã Thuận Hạnh
11	Dự án Bô trí dân di cư tự do tại xã Đắc Mól, huyện Đắc Song	DTC	10	xã Đắc Mól
VI	Các công trình đấu giá quyền sử dụng đất		2,67	
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023		2,51	
1	Đấu giá đất Khu tập thể giáo dục (trạm y tế Bon Bu Đốp xã Đắc N'drung)	ONT	0,31	Xã Đắc N'Đrung
2	Đấu giá đất trạm y tế thôn 10 xã Nam Bình	ONT	0,10	Xã Nam Bình
3	Đấu giá đất hội trường thôn 8 xã Nam Bình	ONT	0,03	Xã Nam Bình
4	Đấu giá đất trạm nước thôn 10 xã Nam Bình	ONT	0,04	Xã Nam Bình
5	Đấu giá đất trạm y tế thôn 1 xã Nam Bình	ONT	0,02	Xã Nam Bình
6	Đấu giá đất khu đài nước tổ dân phố 2, thị trấn Đức An	ODT	0,07	TT. Đức An
7	Đấu giá đất ở thu hồi của công ty TNHH MTV Thuận Tân	ONT	0,71	Xã Thuận Hạnh
8	Đấu giá đất thuộc thôn 10 xã Nam N'jang (2 thửa)	TMD	0,25	Xã Nam N'Jang
9	Đấu giá đất ở khu đất trụ sở UBND xã Đắc Mól (Cũ)	ONT	0,04	Xã Đắc Mól
10	Đấu giá đất ở thu hồi của bà Khương Thị Hồng	ONT	0,09	Xã Nam N'Jang
11	Các thửa đất đã được phân lô chi tiết thuộc thị trấn Đức An (11 thửa)	ODT	0,28	TT. Đức An
12	Đấu giá đất khu dân cư tại TDP 4, thị trấn Đức An	ODT	0,25	TT. Đức An
13	Quy hoạch phân lô chi tiết khu dân cư tại TDP 6 (đường vào khu công vụ)	ODT	0,26	TT. Đức An
14	Đấu giá đất ở thu hồi của ông Lê Minh Tiến	ONT	0,06	Xã Trường Xuân

STT	Danh mục công trình, dự án	MĐSD	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (cấp xã)
	Dự án mới năm 2024		0,16	
16	Đấu thuê đất chợ cũ	TMD	0,08	xã Đăk Mól
17	Đấu giá trạm y tế xã Đăk Mól	ONT	0,08	xã Đăk Mól

(Chi tiết các danh mục dự án, kèm theo biểu 10-CH phần phụ biểu)

3.9. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

a. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đăk Song được dựa trên các căn cứ chính sau:

- Luật Đất đai năm 2013.

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013. Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về giá đất. Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về thu tiền sử dụng đất. Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Thông tư số 37/2014/TT- BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND, ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc Ban hành Quy định Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông;

- Căn cứ các danh mục công trình, dự án đưa vào thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đăk Song.

b. Ước tính cân đối thu chi từ đất trên địa bàn huyện Đăk Song trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là khoảng 32,17 tỷ đồng.

STT	Hạng mục	Ước tính thu chi tài chính về đất đai đến năm 2023		
		Diện tích	Đơn giá	Thành tiền
		(ha)	(đồng/m ²)	(tỷ đồng)
A	CÁC KHOẢN THU TỪ ĐẤT			48,34
I	THU TIỀN GIAO ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH			40,20
I.1	I.1. Đất ở tại nông thôn	14,50		32,20
I.2	Đất ở đô thị	2,00	400.000	8,00
II	Thu từ bán đấu giá đất	1,33	500.000	6,65
	<i>Đất ở tại nông thôn</i>	1,48	2.000.000	29,60
	<i>Đất ở đô thị</i>	0,86	4.000.000	34,40
III	Thu thuê sử dụng đất			1,49

STT	Hạng mục	Ước tính thu chi tài chính về đất đai đến năm 2023		
		Diện tích	Đơn giá	Thành tiền
		(ha)	(đồng/m ²)	(tỷ đồng)
	Đất thương mại dịch vụ	0,33	450.000	1,49
B.	CHI PHÍ ĐÈN BÙ THU HỒI ĐẤT			16,17
1	Đất cây hàng năm	3,00	15.000	0,45
2	Đất cây lâu năm	58,27	20.000	11,65
3	Đất ở tại đô thị	0,10	300.000	0,30
4	Đất ở tại nông thôn	2,51	150.000	3,77
C.	CÂN ĐỐI THU - CHI			32,17

Với khoản thu từ đất đai năm 2024 bổ sung thêm cho ngân sách huyện Đăk Song khoảng 32,17 tỷ đồng, huyện có thêm nguồn vốn để tái đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội của địa phương để thực hiện được mục tiêu phát triển kinh tế xã hội huyện trong năm 2024 và mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021-2025.

Việc xác định các khoản thu, chi nêu trên chỉ là tương đối và phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan, các khoản chi bồi thường thực tế tính theo từng dự án cụ thể khi triển khai lập dự án khả thi và triển khai đo đạc, kiểm đếm xác định giá cụ thể.

PHẦN IV

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Sau khi kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện tổ chức thông báo các phòng ban chuyên môn, các tổ chức chính trị, đoàn thể, tổ chức khác để công bố kế hoạch, công khai kế hoạch tại UBND huyện và trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên panô, lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết kế hoạch, thực hiện đúng kế hoạch được duyệt.

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường, điều tra đánh giá và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước trên địa bàn huyện để sử dụng có hiệu quả và bền vững.

- Đối với sản xuất nông nghiệp:

+ Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng với trọng tâm là hình thành vùng chuyên canh trồng lúa, cây ăn quả kết hợp với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.

+ Thực hiện ứng dụng sản xuất theo hướng canh tác hữu cơ ở những vùng có điều kiện; sử dụng phân bón hợp lý đặc biệt tăng cường sử dụng các loại phân hữu cơ và phân vi sinh, hạn chế sử dụng phân hoá học và các loại thuốc hoá học bảo vệ thực vật.

+ Các vùng đất có độ dốc lớn, không nên làm đất vào mùa mưa nhằm giảm thiểu các quá trình xói mòn, rửa trôi đất, khai thác sử dụng đất phải đi đôi với bảo vệ môi trường đất để sử dụng đất ổn định, lâu dài và bền vững.

+ Nghiên cứu thu hút đầu tư phát triển rừng gỗ lớn để tăng cường độ che phủ rừng, tăng nguồn sinh thủy đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế ngành lâm nghiệp.

- Đối với sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

+ Ưu tiên phát triển các ngành sản xuất ít hoặc không gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải có phương án xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường.

+ Thường xuyên thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử phạt nghiêm khắc hoặc đình chỉ sản xuất đối với các nhà máy, các cơ sở sản xuất kinh doanh, v.v... gây ô nhiễm môi trường do các nguồn chất thải không được xử lý.

- Đối với đầu tư và thu hút đầu tư

+ Thu hút đầu tư vào việc quy hoạch và xây dựng bãi rác, xây dựng nghĩa trang nhân dân, có kế hoạch quy hoạch sắp xếp, di dời các nghĩa địa xen kẽ trong khu dân cư.

+ Thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng thoát nước, cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nhất là khu vực thị trấn.

+ Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể về xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp; khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng; các dự án về du lịch

dịch vụ, khu chăn nuôi, giết mổ tập trung... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường...

- Nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường cảnh quan, có các biện pháp xử lý nghiêm trường hợp vi phạm.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hỗ trợ, tái định cư cho UBND huyện để thực hiện các dự án thu hồi đất.

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Thực hiện huy động nguồn lực đất đai, đầu tư bán đấu giá quỹ đất ở nông thôn và đất ở đô thị để tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, phát triển thương mại dịch vụ....

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phối hợp chặt chẽ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện để thực hiện đo đạc, kiểm đếm tài sản, cây cối, hoa màu trên đất.. và ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

- Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất kịp thời cho các chủ đầu tư để kịp thời triển khai thực hiện dự án. Đối với các dự án sử dụng đất đề nghị đơn vị chủ quản sử dụng tập trung thực hiện hoàn thành các thủ tục về đất đai trong năm kế hoạch 2024.

- Xây dựng phương án đấu giá Quyền sử dụng đất đối với đất ở, đất thương mại dịch vụ để tăng nguồn thu ngân sách, giao đất có thu tiền sử dụng đất cho các đối tượng chính sách, người có thu nhập thấp, hộ nghèo công nhân viên chức, lực lượng vũ trang có nhu cầu đất ở để ổn định cuộc sống, yên tâm công tác.

- Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không đúng quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt; việc sử dụng đất đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả đặc biệt đối với diện tích đất trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

- UBND các xã, thị trấn căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính cấp mình, thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

- Cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý đất đai tại cơ sở để giúp cho UBND các cấp, cơ quan Tài nguyên Môi trường làm tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện được lập đã tuân thủ đầy đủ các cơ sở pháp lý, trình tự tổ chức thực hiện theo các văn bản pháp luật về đất đai quy định, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và các quy hoạch khác có liên quan trên địa bàn huyện Đắk Song.

- Kế hoạch năm 2024 đã đánh giá những thuận lợi, khó khăn của điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội tác động đến việc sử dụng đất trên địa bàn. Đồng thời, đánh giá được kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện những hạn chế, nguyên nhân hạn chế.

- Dự án đã cập nhật đầy đủ các định hướng quy hoạch chuyên ngành, xác định quỹ đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các lĩnh vực, các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong năm 2024; xác định diện tích đất cần thu hồi, các khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ là cơ sở pháp lý để huyện thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương, làm căn cứ để giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo pháp luật,... góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2024 của huyện.

2. Kiến nghị

Các sở ban, ngành có thực hiện dự án sử dụng đất trên địa bàn huyện Đắk Song trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Quan tâm, phối hợp với UBND huyện, bố trí cân đối nguồn vốn giải phóng mặt bằng để đảm bảo tiến độ triển khai dự án trong năm kế hoạch.

Để có cơ sở thực hiện giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện trong năm 2024 đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định. UBND huyện Đắk Song kính đề nghị Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện, để Ủy ban nhân dân huyện có cơ sở thực hiện vai trò quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương.